

TẠO ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM

Sự phát triển của các học thuyết kinh tế và thực tiễn phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới thời gian qua cho thấy các mô hình tăng trưởng tân cổ điển nhấn mạnh vai trò của tích lũy vốn và lao động đối với tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tài nguyên thiên nhiên luôn có giới hạn và nhân loại đang đứng trước sự khan hiếm tài nguyên nghiêm trọng. Nếu chúng ta vẫn trông chờ vào nguồn tài nguyên hữu hạn đó thì tăng trưởng sẽ sớm cạn kiệt, tăng trưởng sẽ đi đến trạng thái dừng và thậm chí suy giảm. Mô hình tăng trưởng nội sinh (được trao giải Nobel Kinh tế năm 2018) chứng minh rằng, công nghệ là yếu tố nội sinh quan trọng của tăng trưởng. Chính công nghệ cùng với nguồn nhân lực phù hợp (có khả năng sáng tạo, sử dụng và kiểm soát công nghệ mới) là yếu tố quyết định cho tăng trưởng trong dài hạn, là chìa khóa để chúng ta đột phá vượt qua trạng thái dừng, thoát bẫy thu nhập trung bình.

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam những năm gần đây giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô và mở rộng tín dụng. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện rõ nét thể hiện qua tốc độ tăng năng suất lao động. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) tăng từ 33,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên khoảng 43,3% trong giai đoạn 03 năm 2016-2018; giai đoạn 2016-2020 ước đạt 43,5%. Tính chung 10 năm 2011-2020 vượt mục tiêu chiến lược đề ra (35%). Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2011-2015 là 4,3%/năm, giai đoạn 2016-2018 đã tăng lên 5,8%/năm. Đặc biệt năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao kỷ lục trong 10 năm, đạt trên 7% nhưng tăng trưởng tín dụng chỉ đạt dưới 14%

so với mức 17 -18% của các năm trước đó. Những số liệu này cho thấy nền kinh tế của chúng ta đang có sự chuyển dịch về mô hình tăng trưởng và sự thăng tiến cao hơn về chuỗi giá trị. Có thể khẳng định rằng khoa học công nghệ có nhiều tiến bộ, đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp đáng kể cho tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu (GII) của Việt Nam những năm gần đây liên tục tăng cao, dẫn đầu nhóm quốc gia có thu nhập trung bình thấp (năm 2017 tăng 12 bậc, năm 2018 tăng tiếp 2 bậc, xếp thứ 45/126 quốc gia, trong đó, nhóm chỉ số về tri thức – công nghệ của Việt Nam có thứ hạng rất cao, thứ 28). Theo Báo cáo Chỉ số Hiệu quả Đổi mới sáng tạo năm 2018, Việt Nam đã đạt kết quả trong việc tiếp cận với kiến thức khoa học, công nghệ của thế giới và hòa nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo điều kiện cho việc trao đổi tri thức hiệu quả. Một số tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam đã rất quan tâm đầu tư cho khoa học – công nghệ (KH-CN), đổi mới, sáng tạo; và đã đạt được kết quả tương xứng. Điều này khẳng định tăng trưởng cao và tăng trưởng bao trùm vừa qua có đóng góp rất quan trọng của nhân tố khoa học công nghệ và cố gắng lớn lao của mỗi người Việt Nam chúng ta.

Tuy nhiên, phải nhìn thẳng vào thực tiễn và khó khăn, vướng mắc để thấy rằng phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới, sáng tạo của Việt Nam còn nhiều hạn chế, bất cập.

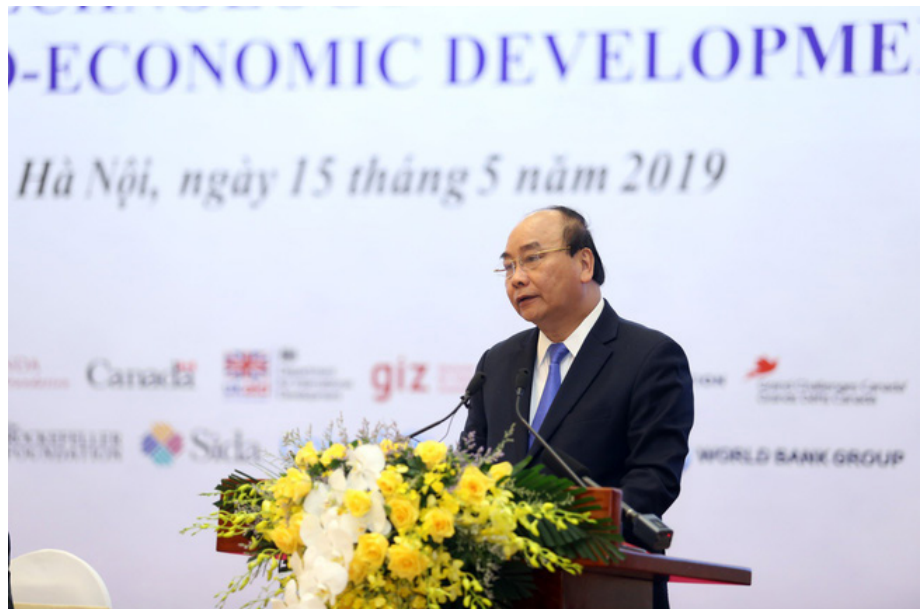
Trước hết là, nhận thức của các cấp, các ngành và các địa phương về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo còn chưa đầy đủ, toàn diện. Hành lang pháp

lý và cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ, chưa thực sự tạo động lực cho ứng dụng phát triển khoa học công nghệ;

Khoa học – công nghệ chưa thực sự là động lực và nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội, cho tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế và tăng năng suất lao động xã hội. Trình độ Khoa học – công nghệ quốc gia nhìn chung còn khoảng cách so với nhóm đầu khu vực Đông Nam Á. Năng lực khoa học, công nghệ và đổi

mới, sáng tạo của chúng ta còn hạn chế và hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia còn non trẻ, manh mún. Vẫn còn ít hoạt động Nghiên cứu và Phát triển (R&D) trong khu vực doanh nghiệp. Các trường đại học thiên về đào tạo hơn nghiên cứu; nếu có nghiên cứu thì tính ứng dụng không cao; rất thiếu sự kết nối hiệu quả giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và khu vực kinh doanh, dịch vụ công. Chúng ta cũng chưa thực sự có những chính sách tốt, cơ chế tốt, hoặc đặt ra những bài toán hay, đúng tầm để kích thích sáng tạo và sự cống hiến của đông đảo các nhà khoa học và chuyên gia đối với phát triển kinh tế - xã hội nước nhà.

Trong những năm gần đây, kinh phí đầu tư cho khoa học - công nghệ của Việt Nam gia tăng đều qua các năm, tuy nhiên, tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ trên GDP chưa tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế của đất nước. Diễn đàn Kinh tế thế giới cũng đánh giá: Việt Nam đang tụt hậu về mức độ



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát biểu nhân Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18.5.

Ảnh: Suu tầm

sẵn sàng công nghệ, về đổi mới sáng tạo và về năng suất lao động so với một số nước ở Châu Á như: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia và Singapore.

Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, chi tiêu cho nghiên cứu phát triển cả khu vực Nhà nước và tư nhân của Việt Nam hiện nay chỉ khoảng 0,44% GDP, khá thấp so với bình quân của thế giới là 2,23% GDP (Thái Lan 0,78%; Singapore 2,2%; Malaysia 1,3%, Trung Quốc 2,1% GDP). Nếu không mạnh dạn đầu tư cho khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, chúng ta sẽ bị mắc kẹt trong cái hố năng suất thấp, giá trị gia tăng thấp và bẫy thu nhập trung bình. Do vậy, cả Nhà nước và khu vực tư nhân cần nhận thức đúng tầm quan trọng của đầu tư cho khoa học và công nghệ và ưu tiên chi cho khoa học và công nghệ một cách tương xứng hơn, hiệu quả hơn; đồng thời, chú trọng tính thiết thực, hiệu quả, không làm theo phong trào, ứng dụng thấp, gây lãng phí.

Các doanh nghiệp cũng cần hiểu rằng đầu tư cho nghiên cứu & phát triển là một trong những phương pháp tốt nhất để đạt được hiệu quả, tăng năng lực cạnh tranh và có thể giành được vị thế cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Chúng ta cần tìm ra điểm kích hoạt khuyến khích doanh nghiệp hăng hái đầu tư cho nghiên cứu & phát triển, chứ không chỉ kêu gọi bằng lời nói.

Việt Nam kiên định xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đây là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững đất nước. Phần đầu đến những năm 2030, Việt Nam hướng tới một xã hội thịnh vượng, thuộc nhóm có thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành một quốc gia phát triển, định hướng xã hội chủ nghĩa. Để đạt được mục tiêu này, chúng ta cần có một chiến lược phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế. Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng kết hợp với phát triển công nghệ nhất là trong một số ngành, lĩnh vực mới có tiềm năng, thể mạnh. Cần phải xác định khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo phải là nền tảng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững đất nước; là lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực chính của mô hình phát triển kinh tế - xã hội. Phải làm tốt hơn nữa sự phối hợp giữa nhà nước và xã hội trong phát triển khoa học và công nghệ, kết hợp tốt hơn giữa nội lực và ngoại lực trong phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới, sáng tạo. Phần đầu yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng đạt trên 50%; năng suất lao động xã hội bình quân tăng ít nhất 6,5-7,0%/năm.

Các bộ, ngành, địa phương cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong chỉ đạo phát triển khoa học & công nghệ, tiếp tục hoàn

thiện khung pháp lý và cơ chế, chính sách, với những cơ chế đặc thù, cạnh tranh để tăng cường ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển. Tập trung hoàn thiện hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia với doanh nghiệp là trung tâm, khuyến khích sự sáng tạo của người dân, gắn kết chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp, dịch vụ công nhằm kiến tạo và tích lũy tài sản trí tuệ, tạo ra nguồn nhiên liệu mới cho tăng trưởng kinh tế nhanh, bao trùm và bền vững.

Theo đó, ngành Khoa học và Công nghệ cần phối hợp các bộ, ngành, tổ chức liên quan tham mưu, đề xuất giải pháp, tập trung vào 5 vấn đề lớn sau đây:

Một là, đề xuất chính sách mang tính đột phá để khuyến khích và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp, dịch vụ công; nhất là hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ công. Tập trung nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp.

Hai là, phát huy vai trò và tạo cơ chế phù hợp để các trường đại học, viện nghiên cứu có thể tăng cường nền tảng vốn con người cho đổi mới, sáng tạo; nhất là gắn liền các hoạt động nghiên cứu ứng dụng với nhu cầu doanh nghiệp và nền kinh tế. Cần tạo ra một nguồn lực con người có trình độ và tính sáng tạo cao.

Ba là, thúc đẩy liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước. Thúc đẩy vai trò then chốt, lan tỏa của các trung tâm trí tuệ, trung tâm đổi mới, sáng tạo đối với sự phát triển thông minh và bền vững ở các tỉnh, thành phố của Việt Nam.

Bốn là, xây dựng năng lực quản trị nhà nước đối với hệ thống đổi mới, sáng tạo, và phát huy công nghệ; hoàn thiện thể chế cho các hoạt động đổi mới, sáng tạo, ứng dụng, phát triển công nghệ.

Năm là, tái cấu trúc các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Tập trung phát triển sản phẩm quốc gia dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao để hình thành các ngành nghề mới và các sản phẩm mới, giá trị gia tăng cao, nhất là lĩnh vực mà Việt Nam có thể mạnh như: nông nghiệp, công nghiệp chế biến chế tạo, dịch vụ, công nghệ thông tin,...v.v.

Để thực hiện 5 vấn đề trọng tâm trên, ngành Khoa học và Công nghệ cần lưu ý một số nội dung cụ thể. Đó là:

Cần xây dựng khuôn khổ cho việc đo lường và đánh giá hiệu quả của nền kinh tế số, của hoạt động của các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ sở có hoạt động khoa học công nghệ. Ngành thống kê nghiên cứu phương thức đo lường và thống kê hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ và các hoạt động đổi mới sáng tạo theo các chuẩn mực quốc tế để có thể so sánh. Gắn các chương trình tài trợ nghiên cứu của Nhà nước với việc ứng dụng thực tế và thương mại hóa sản phẩm để tránh nghiên cứu rồi cất vào tủ, dành một phần ngân sách để chi cho các dự án, đề tài được đưa ra ứng dụng trong thực tế.

Cần nghiên cứu thành lập ngân hàng dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Xây dựng chính sách nhằm thu hút và cộng tác với các chuyên gia giỏi ở trong và ngoài nước, đặc biệt là cộng đồng các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài. Chú ý đặc biệt những giải pháp không theo khuôn mẫu; chúng ta muốn thúc đẩy đổi mới sáng tạo thì bản thân chính sách, cơ chế cũng phải thoáng, mở, và sáng tạo.

Áp dụng mô hình đối tác công - tư (PPP) nhằm khuyến khích doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào các hoạt động đổi mới sáng tạo. Thử nghiệm mô hình “Nhà nước sở hữu,

tư nhân vận hành”. Chuyển từ mô hình sử dụng ngân sách nhà nước sang đồng tài trợ, tiến đến tự chủ tài chính, nhà nước đặt hàng đối với các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở Khoa học và Công nghệ và đổi mới, sáng tạo.

Ngành Khoa học và Công nghệ sớm hoàn thiện Chỉ thị về việc thúc đẩy hấp thụ, phát triển công nghệ, hoạt động đổi mới công nghệ và hoạt động đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, bao gồm việc phát huy quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; khuyến khích hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm xã hội để đầu tư cho nghiên cứu phá triển và thương mại hóa các sản phẩm sáng tạo; đề án hoàn thiện thể chế để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia.

Ngành Khoa học và Công nghệ cần phát huy vai trò điều phối, nâng cao hiệu quả công tác giữa các bộ, ngành và các cấp trong phát triển và ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội. Thúc đẩy hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhằm khai thác lợi thế, chia sẻ kinh nghiệm và tận dụng các thành tựu Khoa học và Công nghệ tiên tiến, cũng như chủ động nắm rõ các xu thế Khoa học và Công nghệ trên thế giới để có phương án vận dụng hiệu quả vào Việt Nam.

Mỗi bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp cần cần có những hành động cụ thể, thiết thực thúc đẩy sáng kiến cải tiến, đổi mới sáng tạo, coi việc sử dụng hiệu quả Khoa học và Công nghệ, đổi mới sáng tạo như là một đột phá phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Nguyễn Xuân Phúc

Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ

NGÀY KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM 18-5

Những năm qua, khoa học và công nghệ không chỉ khẳng định vai trò và sức mạnh vô cùng to lớn trong các lĩnh vực công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà còn trở thành động lực then chốt của sự nghiệp Đổi mới và phát triển.

Những thành tựu khoa học và công nghệ ngày càng được quan tâm, nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến và áp dụng sâu rộng trong thực tiễn, tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa, con người Việt Nam.

Để nêu cao tinh thần, trách nhiệm của cộng đồng xã hội đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ nói chung, tôn vinh quá trình lao động, sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thống nhất chọn ngày 18 tháng 5 hàng năm là ngày kỷ niệm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Năm 2014 là năm đầu tiên trên toàn quốc tổ chức Ngày KH&CN Việt Nam, với chủ đề “KH&CN - động lực phát triển nhanh và bền vững”. Từ đây, vào ngày này hàng năm là dịp mọi người tri ân, tôn vinh các nhà khoa học xuất sắc, các công trình KH&CN có giá trị đóng góp cho sản xuất và đời sống, biểu dương người dân và thế hệ trẻ đam mê KH&CN và các đơn vị ứng dụng KH&CN tiên tiến hiện đại. Đồng thời, đây cũng là dịp để mỗi người chúng ta, nhà khoa học, người làm KH&CN, doanh nghiệp, nhà quản lý nâng cao



Logo ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18 – 5.

mạnh mẽ nhận thức và trách nhiệm thúc đẩy KH&CN đóng góp cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5/2019 được tổ chức với chủ đề “Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo kiến tạo tương lai” và khẩu hiệu “Nhiệt liệt chào mừng ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18 – 5”.

Ngày KH&CN không chỉ là ngày hội để tôn vinh những người làm khoa học; đây cũng là ngày giới khoa học trong nước trưng bày, trình diễn những thành tựu nghiên cứu, sáng tạo của mình với công chúng và cũng chính là cơ hội để tuyên truyền phổ biến giáo dục về vai trò của KH&CN, đường lối chính sách, pháp luật phục vụ phát triển KH&CN như là quốc sách hàng đầu. Mục đích của Ngày KH&CN là khơi dậy niềm say mê sáng tạo của cả một dân tộc; không chỉ tạo ra ngày hội dành cho những người làm khoa học mà là cả xã hội, nhằm nâng cao ý thức về KH&CN, ý thức tự trọng, tự tôn dân tộc, ủng hộ và hậu thuẫn của cả xã hội đối với KH&CN. Đây phải

trở thành ngày hội của tất cả mọi người, của toàn xã hội.

Các hoạt động kỷ niệm Ngày KHCN Việt Nam tại tỉnh Điện Biên được tổ chức thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm và đảm bảo công tác truyền thông rộng rãi, thu hút đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia. Cụ thể: Xuất bản Bản tin chuyên đề kỷ niệm Ngày Khoa học và

Công nghệ Việt Nam. Giới thiệu các kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ nổi bật trên địa bàn tỉnh; Treo băng rôn tuyên truyền kỷ niệm ngày KHCN Việt Nam; Tổ chức giải cầu lông ngành KHCN chào mừng ngày 18/5.

Minh Hằng

Sở Khoa học & Công nghệ

HỘI NGHỊ XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2019

Sáng ngày 17/4/2019, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Công ty tư vấn ĐMST FiNNO tổ chức khai mạc Hội nghị “Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” tại thành phố Điện Biên Phủ.

Hội nghị được tổ chức với mục đích nhằm triển khai có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên đến năm 2020 tại Quyết định số 2407/KH-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Điện Biên; hội nghị giúp lãnh đạo các sở, ban, ngành, các cán bộ, chuyên viên phụ trách hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp của tỉnh nắm được khái niệm, mô hình, cách thức triển khai và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Điện Biên; xây dựng tinh thần khởi nghiệp cho tỉnh.

Tham gia Hội nghị có hơn 50 đại biểu đến từ các sở, ban, ngành, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, khối trường chuyên nghiệp, cán bộ phụ trách khởi nghiệp các huyện, thị xã, thành phố.



Đ/c Nguyễn Đình Kỳ - Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phát biểu tại Hội nghị.

Ảnh: Thành Trung

Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 đánh dấu động thái cụ thể của Chính phủ để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

Đề án 844 có mục tiêu tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai

thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới; khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thiết lập được Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia.

Đến năm 2025, Đề án 844 dự kiến hỗ trợ phát triển 2.000 dự án khởi nghiệp ĐMST; 600 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; 100 doanh nghiệp tham gia Đề án gọi được vốn đầu tư từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập, với tổng giá trị ước tính khoảng 2.000 tỷ đồng.

Đối tượng hỗ trợ của Đề án:

Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí sau: Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam; có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Các hoạt động của Đề án:

Xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia cung cấp thông tin về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; chính sách, pháp luật; nguồn nhân lực; nguồn đầu tư và giao dịch đầu tư; đối tác, khách hàng; sản phẩm,

dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; tổ chức, cá nhân hỗ trợ; tin tức, sự kiện trong nước, quốc tế và các hoạt động khác hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

Xây dựng Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó: Hỗ trợ một phần kinh phí sửa chữa và áp dụng mức phí ưu đãi trong khai thác cơ sở hạ tầng (diện tích, không gian sẵn có) tại các địa điểm thuận lợi cho cung cấp dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ưu tiên khu vực gần các trường đại học, tổ chức kinh tế, tài chính; hỗ trợ kinh phí lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ Internet miễn phí trong Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thu hút tư nhân đầu tư sửa chữa, trả phí khai thác cơ sở hạ tầng, lắp đặt trang thiết bị cần thiết và tổ chức quản lý, khai thác Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cung cấp các dịch vụ đào tạo, huấn luyện, tư vấn; kết nối đầu tư, khách hàng; cung cấp nguồn nhân lực, không gian làm việc, thiết bị dùng chung cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước về khoa học và công nghệ hằng năm để tổ chức sự kiện Ngày hội khởi nghiệp công nghệ quốc gia (TECHFEST) với quy mô quốc tế. Các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hỗ trợ kinh phí cho việc thuê địa điểm, gian hàng, trưng bày, vận chuyển trang thiết bị, truyền thông cho các sự kiện, cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở.

Tiếp tục triển khai Đề án Thương mại hóa công nghệ với quy mô dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia đến năm 2020 với các nội dung sau: Xây dựng, phát triển mạng



Các đồng chí học viên thảo luận tại Hội nghị .

Ảnh: Mai Phương

lưới các tổ chức thúc đẩy kinh doanh dựa trên việc lựa chọn, xây dựng năng lực cho một số cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiềm năng và đầu tư vốn ban đầu cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mạng lưới nhà đầu tư cá nhân và mạng lưới quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Hỗ trợ một phần kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ương tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh; hỗ trợ một phần kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi

mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ương tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh; hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp và sử dụng các dịch vụ: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật

chất - kỹ thuật của một số cơ sở ương tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kinh phí tư vấn thành lập cơ sở ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu môi ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ một phần kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến, tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam.

Hỗ trợ một phần kinh phí để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm của Việt Nam với khu vực và thế giới; kết nối và hỗ trợ một phần kinh phí để doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài.

Giới thiệu đối tác, nhà đầu tư, hỗ trợ thủ tục nhà đầu tư, doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước thông qua các đại diện khoa học và công nghệ, đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài tiếp cận thị trường nước ngoài.

Khuyến khích sử dụng các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của doanh nghiệp để tài trợ, hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ, thử nghiệm thị trường, cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa

đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về: Đăng ký thành lập, hoạt động của tổ chức, cá nhân đầu tư mạo hiểm; cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ ban đầu của Nhà nước và khuyến khích đầu tư tiếp theo cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân và cộng đồng xã hội; cơ chế hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu và tiềm lực phát triển hoạt động khởi nghiệp; cơ chế thuế, tài chính đặc thù đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ; cơ chế hỗ trợ thoái vốn của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Hội nghị “Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên năm 2019” đã giới thiệu tới các học viên các nội dung về: Hệ sinh thái khởi nghiệp; giới thiệu các cấu phần của hệ sinh thái khởi nghiệp, cách thức xây dựng hệ sinh thái bền vững, vai trò, trách nhiệm của các yếu tố cấu thành nên hệ sinh thái khởi nghiệp, các cấp độ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; cách thức xây dựng mô hình kinh doanh sáng tạo từ ý tưởng; các yếu tố để khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công; giới thiệu các chương trình, dự án, tổ chức sự kiện trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia hiện nay; giải pháp xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương; kích hoạt môi trường khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo - Liên kết các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp; vai trò của chính quyền, đoàn thể và các trường chuyên nghiệp trong việc thúc đẩy phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo./.

Chu Huệ

Sở Khoa học & Công nghệ

CHUYỂN ĐỔI ÁP DỤNG HTQLCL THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2019

Triển khai việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước là một giải pháp, một xu thế của thế giới.

Trên địa bàn tỉnh Điện Biên có 19 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 12 chi cục trực thuộc Sở, 02 ban thuộc sở và 10 UBND cấp huyện đã xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg và Kế hoạch của UBND tỉnh số 2822/KH-UBND (Đạt 100% theo quy định).

Ngày 31/12/2015, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số: 4109/QĐ-BKHCN, về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu, đến ngày 21 tháng 02 năm 2018, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Công văn số 419/BKHCN-TĐC về việc lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ cùng với tình hình triển khai thực tế tại địa phương thời gian



Các học viên làm bài thu hoạch tại Hội nghị Đánh giá viên nội bộ HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Ảnh: Hoàng Châu

qua, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1129/KH-UBND, ngày 07/5/2018 Kế hoạch chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018 – 2020.

Theo đó: Năm 2018: Các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, tìm hiểu Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, lập kế hoạch, dự toán kinh phí cho việc chuyển đổi HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Năm 2019: 19 Sở, ban, ngành, 12 chi cục trực thuộc sở, Ban Tôn giáo, Ban Thi đua Khen thưởng; 10 UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện hoàn

thành việc chuyển đổi HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Năm 2020: 19 Sở, ban, ngành, 12 chi cục trực thuộc Sở, Ban Tôn giáo, Ban Thi đua Khen thưởng; 10 UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện tiếp tục duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Đối tượng khuyến khích là UBND cấp xã: Năm 2018: Ít nhất 30% tỷ lệ UBND cấp xã xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Năm 2019: Ít nhất 70% tỷ lệ UBND cấp xã xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Năm 2020: 100% UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; các UBND cấp xã đã hoàn thành xây dựng, áp dụng, công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tiếp tục duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Việc triển khai áp dụng ISO 9001 đối với cấp xã không những khẳng định cam kết, quyết tâm của UBND xã đối với nhân dân trong việc cung cấp các dịch vụ hành chính công đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn ISO 9001 mặt khác còn góp phần nâng cao chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh trong điều kiện lãnh đạo tỉnh ủy, UBND các cấp, các Sở ban ngành đoàn thể chung tay thực hiện CCHC.

Lộ trình năm 2019 thực hiện đồng loạt việc chuyển đổi HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với 19 Sở, ban, ngành, 12 chi cục trực thuộc Sở, Ban Tôn giáo, Ban Thi đua Khen thưởng; 10 UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn. Điều này tạo thuận lợi cho công tác chấm điểm hàng năm chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố sẽ thống nhất áp dụng một phiên bản tiêu

chẩn là TCVN ISO 9001:2015 thay vì tình trạng có cơ quan, đơn vị áp dụng phiên bản TCVN ISO 9001:2008, có cơ quan/đơn vị áp dụng phiên bản TCVN ISO 9001:2015 (nếu lộ trình chuyển đổi của các cơ quan, đơn vị khác nhau).

Để thực hiện việc chuyển đổi/áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên theo đúng lộ trình, kế hoạch do UBND tỉnh ban hành cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Ban chỉ đạo CCHC tỉnh, sự đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra của Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo CCHC tỉnh), Sở Khoa học và Công nghệ (cơ quan chủ trì triển khai ISO trên toàn tỉnh) và sự vào cuộc các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc chỉ đạo, thực hiện việc chuyển đổi, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Thứ hai, kinh phí thực hiện theo Văn bản số 3003/BKH-CN-TĐC, ngày 25/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Đối với cơ quan, tổ chức lần đầu xây dựng, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015: Áp dụng theo nội dung chi và mức chi quy định cho đơn vị thực hiện xây dựng, áp dụng HTQLCL lần đầu tại Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định công tác quản lý tài chính đối với việc tư vấn, xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 116/2015/TT-BTC).

- Đối với các cơ quan, tổ chức chuyển

đổi áp dụng từ tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thực hiện theo các nội dung sau:

+ Đối với các hoạt động đào tạo để thực hiện việc chuyển đổi: đề nghị áp dụng theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

+ Đối với hoạt động liên quan đến đánh giá thực trạng, xây dựng, cập nhật HTQLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện đánh giá nội bộ, cải tiến HTQLCL: đề nghị áp dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 116/2015/TT-BTC.

+ Nguồn kinh phí thực hiện việc xây dựng, áp dụng, chuyển đổi HTQLCL: trong dự toán Ngân sách nhà nước được giao hàng năm của các cơ quan, tổ chức. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 116/2015/TT-BTC.

- Thứ ba, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng về áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho đội ngũ nhân sự thực hiện công tác tham mưu, tổ chức thực hiện và theo dõi, kiểm soát HTQLCL. Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì phối hợp với các tổ chức đào tạo mở các hội nghị tập huấn về các nội dung liên quan đến cao nhận thức, kỹ năng về áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 như: Đào tạo nhận thức chung Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015; hướng dẫn chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng sang phiên bản mới TCVN ISO 9001:2015; hướng dẫn viết một số văn bản, quy trình cụ thể. Hội nghị Đánh giá viên nội bộ HTQLCL theo TCVN 9001:2015 với các nội dung: Tổng quan về

quản lý chất lượng; đánh giá chất lượng nội bộ - các khái niệm, mục đích; yêu cầu đối với đánh giá viên; tiến hành đánh giá.

Để giúp cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương tập trung vào việc xác định phạm vi áp dụng HTQLCL; hướng dẫn việc áp dụng theo các điều khoản của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và mẫu quy trình xử lý công việc tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức xây dựng mô hình khung HTQLCL cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/1/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mô hình khung gồm 3 phần chính: Phần 1 hướng dẫn các cơ quan có thể nắm được cách thức để xác định rõ phạm vi áp dụng HTQLCL của cơ quan, qua đó liên tục cải tiến và cập nhật sự thay đổi các thủ tục hành chính, các văn bản pháp quy để hoàn thiện HTQLCL của mình; phần 2 bao gồm tổng quan về những thay đổi cơ bản của TCVN ISO 9001:2015 so với TCVN ISO 9001:2008; nội dung của mô hình HTQLCL, các Phụ lục và hướng dẫn kèm theo là phần các cơ quan có thể chủ động nghiên cứu và xây dựng các tài liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; phần 3 bao gồm Quy trình mẫu dạng lưu đồ, quy trình mẫu dạng diễn giải chi tiết và quy trình mẫu gồm cả dạng lưu đồ và diễn giải chi tiết để cơ quan tham khảo, xây dựng các quy trình giải quyết công việc của cơ quan là phần mỗi cơ quan có thể tìm hiểu và sử dụng quy trình xử lý công việc mẫu một cách hợp lý nhất, phù hợp nhất với thủ tục hành chính mà tổ chức mình đang thực hiện để triển khai, áp dụng và nghiên cứu để xây dựng các quy trình xử lý công việc đối với các thủ tục hành chính khác.

Mô hình khung HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đã được Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giới thiệu đến các cơ quan, đơn vị tại Hội nghị tập huấn “Đánh giá nội bộ HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015” và tại Văn bản số 107/CV-TĐC. Theo đó các cơ quan, đơn vị có thể tải toàn văn nội dung Mô hình khung HTQLCL tại địa chỉ trang thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (<http://www.most.gov.vn>); Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (<http://www.tcvn.gov.vn>) hoặc liên hệ với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: số điện thoại 02153.827.013, email: chicuctdcdienbien@gmail.com để nhận Mô hình khung qua địa chỉ thư điện tử.

Mô hình khung HTQLCL mang tính hướng dẫn, tham khảo nên căn cứ vào tình hình thực tế, các cơ quan chủ động, tham khảo mô hình khung HTQLCL cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương theo Tiêu chuẩn quốc

gia TCVN ISO 9001:2015 và mô hình khung HTQLCL ban hành kèm theo Quyết định số 2968/QĐ-BKHCN ngày 29/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ, phối hợp với đơn vị chủ trì, tổ chức tư vấn (nếu cần thiết) để xây dựng, áp dụng, chuyển đổi việc áp dụng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, tích hợp với các quy định, phần mềm quản lý một cửa, một cửa liên thông, quản lý tài chính, nhân lực, quản lý cơ sở hạ tầng, trang thiết bị..., lồng ghép HTQLCL với các hệ thống quản lý hiện có, sử dụng cùng một cấu trúc về các yêu cầu như đã nêu trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 để điều hành đảm bảo hoàn thành việc chuyển đổi/áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 theo đúng lộ trình, kế hoạch của UBND tỉnh.

Hoàng Châu

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG NHẬN 14 SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2019

Hoạt động bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Điện Biên năm 2019 nhằm phát hiện và tôn vinh các sản phẩm có chất lượng, có giá trị sử dụng cao, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước để có kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất và xúc tiến thương mại, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn.

Tạo cơ hội giới thiệu, quảng bá sản phẩm tiêu biểu, để các cơ sở công nghiệp nông thôn có cơ hội giao lưu trao đổi kinh nghiệm, hợp tác đầu tư và phát triển thị trường. Tận dụng

nguồn nguyên liệu địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động và đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Đối tượng tham dự bình chọn là các sản phẩm, nhóm sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Sở Công thương đã chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND các huyện thị xã, thành phố triển khai, hướng dẫn, vận động các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh

Điện Biên năm 2019. Tham gia cuộc bình chọn năm nay có 09/10 huyện thị xã, thành phố với tổng số 32 cơ sở công nghiệp nông thôn đăng ký 56 sản phẩm tham gia bình chọn. Các sản phẩm tham gia bình chọn được chia ra làm 04 nhóm chính như sau: Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ 27 sản phẩm; nhóm sản phẩm chế biến từ nông sản, thực phẩm 20 sản phẩm; nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, phụ tùng cơ khí 02 sản phẩm; nhóm sản phẩm khác (Vật liệu xây dựng không nung) 08 sản phẩm.

Căn cứ hồ sơ đăng ký của các cơ sở và Quy định của Hội đồng bình chọn về điều kiện sản phẩm đạt giải “Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2019”, Ban giám khảo đã chấm điểm và thống nhất lựa chọn thông qua các tiêu chí: Đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, hiệu quả kinh tế; áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường; tạo việc làm cho người lao động... Theo đó, UBND tỉnh công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2019 cho 14 sản phẩm gồm: Hộp đựng chè của HTX đồ thủ công mỹ nghệ Anh Minh thành phố Điện Biên Phủ; váy hoa văn Con Công chất liệu tơ tằm, của HTX thổ cẩm Lào Na Sang II, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên; bộ váy áo nữ dân tộc Thái trắng của hộ kinh doanh Lò Thị Tinh, phường Na Lay Mường Lay; bộ váy áo nữ dân tộc Thái đen, HTX thêu dệt thổ cẩm dân tộc Thái, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên; bộ sản phẩm Khăn piêu, khăn tay, khăn quàng cổ, túi Thái, áo trùm nam của hộ kinh doanh Lò Văn Phong, bản Noong Chứn, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ; bộ trang phục dân tộc H’Mông, tổ hợp tác thêu truyền thống phụ nữ Mông, xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa;



Đồng chí Lê Văn Quý - Phó Chủ tịch UBND tỉnh trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2019 cho các HTX, doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Ảnh: Minh Quang

vải dệt thổ cẩm dân tộc Thái đen của hộ kinh doanh Lò Thị Duyên, bản Noong, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo; bộ sản phẩm rượu Mountain Queen (rượu Táo mèo mật ong, rượu Ngọc cầu, rượu hoa quả (táo, lê), hộ kinh doanh Đinh Thị Kim Oanh, tổ 18 phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ; Đông trùng hạ thảo sấy khô – Công ty TNHH dịch vụ Thương mại Loan Nhẹ, tổ 24, Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ; cà phê bột nguyên chất pha phin – Cơ sở chế biến cà phê Hải Chung tổ 6, Mường Ảng; cà phê túi lọc Smile single bag coffee – Công ty TNHH Hải An, tổ 6, Mường Ảng; cà phê bột Tây Bắc coffee Roaster của hộ kinh doanh Mạnh Hùng tổ 1, Mường Ảng; bộ sản phẩm (bún, phở khô, miến dong) của HTX Nông sản thực phẩm Mường Thanh và Gạch không nung xi măng cốt liệu Công ty TNHH Hoàng Anh Điện Biên, tổ 4, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ.

Minh Quang

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

HAI GIỐNG LÚA TRIỂN VỌNG NÂNG CAO NĂNG SUẤT TĂNG THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN

Nhiều năm qua, Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư huyện Điện Biên đã xây dựng nhiều mô hình trình diễn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp và tăng thu nhập cho người dân. Ngày 6/5/2019, tại UBND xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên, Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư huyện Điện Biên phối hợp với Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam – Chi nhánh Ba Vì tổ chức Hội nghị đầu bờ đánh giá mô hình giống lúa thuần chất lượng cao Dự hương 8 và Đài thơm 8, vụ xuân 2019. Hội nghị có sự tham gia của đại diện lãnh đạo UBND huyện Điện Biên, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, các xã, thôn, bản trên địa bàn huyện Điện Biên.

Giống lúa Dự hương 8 và Đài thơm 8 mới được Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư huyện Điện Biên và Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam – Chi nhánh Ba Vì tổ chức trồng thử nghiệm, với diện tích 7ha trên địa bàn xã Thanh Chăn vào tháng 1/2019, nhằm mục đích đánh giá khả năng thích nghi, tiềm năng năng suất của giống lúa chất lượng Dự hương 8 và Đài thơm 8 tại vùng lòng chảo huyện Điện Biên đồng thời tìm ra được giống mới có năng suất, chất lượng tốt phù hợp phương thức gieo cấy mới của địa phương để mở rộng diện tích tăng thêm thu nhập cho người dân để dần thay thế một số giống cũ đang dần thoái hóa.

Qua 5 tháng gieo trồng và chăm sóc 2



Mô hình trồng thử nghiệm giống lúa Dự hương 8 và Đài thơm 8 tại đội 15, xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên.

Ảnh: Ngô Lự

giống lúa trên cho thấy chế độ chăm sóc bón phân, nước tưới và phòng trừ sâu bệnh diễn biến trên đồng ruộng cùng chế độ với các giống lúa khác. Tuy nhiên, khi so sánh với giống lúa Bắc thơm 7 trồng cùng thời điểm thì thấy giống Dự hương 8 và Đài thơm 8 có ưu điểm hơn là: Thân cây cứng, lá đứng hơn; hạt thon dài, tỷ lệ chắc hạt cao hơn; tỷ lệ mắc các bệnh sâu cuốn lá, khô vằn, đạo ôn, rầy nâu, sâu đục thân ít bị nhiễm hơn; năng suất trên 80 tạ/ha (cao hơn khoảng 15 tạ/ha so với giống lúa Bắc thơm 7 là giống lúa đang trồng chủ lực tại cánh đồng Mường Thanh) và đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho người trồng. Hiệu quả kinh tế sau khi trừ hết các chi phí ban đầu 1ha giống lúa Dự

hương 8 và Đài thơm 8 cho lợi nhuận 26,77 triệu/ha cao hơn giống đối chứng Bắc Thơm 7 là 9,72 triệu/ha (giống Bắc Thơm 7 cho lợi nhuận 17,05 triệu/ha).

Với ưu điểm của 2 giống lúa mới đã gieo trồng vụ đông xuân 2019 cho kết quả tốt, bà con nhân dân phấn khởi với thành quả đạt được và đề nghị Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn bổ sung 2 giống trên

vào cơ cấu giống lúa trên địa bàn tỉnh Điện Biên để nhân dân mở rộng diện tích, nhằm tăng hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp; đồng thời đề nghị Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam – Chi nhánh Ba Vì chuẩn bị cung cấp đủ số lượng giống lúa cho bà con gieo trồng

Ngô Lự

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Điện Biên

TẬP HUẤN NÂNG CAO KỸ THUẬT SẢN XUẤT CHÈ AN TOÀN CHO NÔNG DÂN VÙNG CAO TỬA CHÙA

Những năm qua, vùng đất Tủa Chùa nổi tiếng với giống chè tuyệt Shan quý hiếm. Cây chè được xác định là một trong ba loại cây kinh tế chủ lực không chỉ của huyện mà còn là của tỉnh Điện Biên. Xác định phát triển cây chè là nhiệm vụ trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát huy tiềm năng thế mạnh để góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân vùng chè.

Nhằm trang bị cho cán bộ khuyến nông thôn bản, trưởng bản, các hộ có diện tích trồng chè nhiều trên địa bàn của huyện các kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật sản xuất thâm canh cây chè, sản xuất cây chè đúng quy trình kỹ thuật và mang lại hiệu quả kinh tế cao, bằng nguồn kinh phí hỗ trợ của Hiệp hội Chè Việt Nam. Trung tâm Khuyến nông tỉnh Điện Biên tổ chức lớp tập huấn kỹ thuật thâm canh cây chè cho 40 học viên của xã Sính Phình – huyện Tủa Chùa trong 2 ngày (15 - 16/5/2019).



Cán bộ Trung tâm Khuyến nông tỉnh Điện Biên hướng dẫn kỹ thuật bón phân và tủ gốc cho cây chè tại thôn Tà Là Cáo, xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa.

Ảnh: Khắc Tân

Trong 2 ngày tập huấn, các học viên được tìm hiểu; giới thiệu một số giống chè mới; yêu cầu về sinh thái và đặc điểm sinh trưởng phát triển của cây chè; quy trình, kỹ thuật thâm canh cây chè như kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh hại; thu hoạch, chế biến và bảo quản...

Lớp tập huấn dành phần lớn thời gian để học viên thực hành kỹ thuật thiết kế vườn ươm, kỹ thuật đóng bầu, chuẩn bị vật liệu che phủ; phương pháp sử dụng thuốc chữ A thiết kế nương chè trồng mới và băng cây xanh theo đường đồng mức chống xói mòn trên đất dốc; kỹ thuật trồng xen, trồng cây che bóng trong vườn chè; đào hố bón phân trước khi trồng; chọn cây giống đạt tiêu chuẩn, kỹ thuật bón phân cân đối cho từng thời kỳ sinh trưởng và phát triển; kỹ thuật ủ phân hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh; cách nhận biết thu hái bảo quản chè đạt chất lượng cao, kỹ thuật tỉa cành tạo tán và bón phân thời kỳ chè kinh doanh, cách pha chế thuốc thảo mộc phun trừ sâu bệnh cho cây chè.

Đặc biệt lớp tập huấn đã cung cấp cho bà con nông dân những kiến thức bổ ích về nông nghiệp hữu cơ áp dụng công nghệ Mỹ, sử dụng chế phẩm sinh học hữu cơ và chuyển giao công nghệ Mỹ, không sử

dụng phân bón hoá học trừ sâu độc hại trong quá trình chăm sóc và đặc biệt sử dụng nguồn nước sạch khi tưới chè để đảm bảo cho cây chè hữu cơ phát triển hoàn toàn tự nhiên và giữ được hương vị của cây chè.

Chương trình tập huấn kỹ thuật chăm sóc chè an toàn do Hiệp hội Chè Việt Nam phối hợp Trung tâm Khuyến nông tỉnh Điện Biên tổ chức sẽ góp phần giúp cho bà con nông dân vùng cao Tủa Chùa dần thay đổi tư duy truyền thống trong sản xuất chè cũng như tạo điều kiện cho cây chè hữu cơ không ngừng mở rộng diện tích trên địa bàn huyện và đặc biệt là phát triển cây chè nơi đây theo đúng quy trình chuẩn của nông nghiệp hữu cơ quốc tế là đặc sản chè sạch, hướng đến một nền nông nghiệp sạch vì sức khỏe của cộng đồng.

Khắc Tân

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Điện Biên

TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI “NGHIÊN CỨU TRẠNG THÁI ĐA NGỮ Ở ĐIỆN BIÊN – HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG SỰ ĐA DẠNG NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA”

I. Thông tin chung

Tên đề tài: Nghiên cứu trạng thái đa ngữ ở Điện Biên – Hướng tới sự phát triển bền vững trong sự đa dạng ngôn ngữ và văn hóa.

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên.

Cơ quan thực hiện: Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên.

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Thu Dung.

Thời gian thực hiện: tháng 3/2017 đến

tháng 3/2019.

II. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp, phương tiện tư duy mà còn là phương tiện để lưu giữ văn hóa mỗi dân tộc. Cũng như đa số các dân tộc thiểu số khác, Điện Biên là một vùng dân tộc thiểu số đa ngữ (đó là hiện tượng có nhiều ngôn ngữ cùng tồn tại và được sử dụng trong cộng đồng cũng như cá nhân). Với sự cộng cư của 19 dân tộc hiện tượng đa ngữ là một hiện tượng phổ biến ở từng huyện thậm chí từng xã. Sự cùng tồn

tại của nhiều ngôn ngữ trong một địa bàn sẽ dẫn đến những vấn đề như: sự phân bố chức năng; vai trò, vị thế của từng ngôn ngữ trong địa bàn; thái độ của người dân đối với ngôn ngữ được sử dụng... Những vấn đề này sẽ có tác động không nhỏ đến ý thức tộc người, sự đa dạng văn hóa cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn về phát triển kinh tế như Điện Biên thì phát triển du lịch văn hóa – lịch sử là một trong những hướng đi đúng đắn mà tỉnh luôn quan tâm. Để có thể phát huy tốt tiềm năng du lịch văn hóa – lịch sử của mình Điện Biên cần có chính sách phù hợp để bảo tồn môi trường văn hóa, sự đa dạng ngôn ngữ - văn hóa mình. Do đó việc nghiên cứu về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung và nghiên cứu tình hình sử dụng ngôn ngữ ở các vùng dân tộc thiểu số nói riêng là việc làm cần thiết, xuất phát từ chính yêu cầu đó Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên đã đề xuất thực hiện đề tài: “Nghiên cứu trạng thái đa ngữ ở Điện Biên – Hướng tới sự phát triển bền vững trong sự đa dạng ngôn ngữ và văn hóa”

III. Mục tiêu, nội dung, đối tượng, phương pháp và phạm vi nghiên cứu

1. Mục tiêu

- Xác lập cơ sở lý luận khoa học cho vấn đề đa ngữ;
- Nghiên cứu, mô tả và phân tích những đặc điểm của cảnh huống ngôn ngữ hiện nay



Đồng chí Nguyễn Đình Kỳ - Phó Giám đốc Sở KH&CN - Chủ trì hội đồng nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu trạng thái đa ngữ ở Điện Biên – Hướng tới sự phát triển bền vững trong sự đa dạng ngôn ngữ và văn hóa”.

Ảnh: Thanh Tùng

ở Điện Biên;

- Khảo sát, nghiên cứu trạng thái đa ngữ xã hội và biểu hiện của đa ngữ về mặt xã hội ở Điện Biên hiện nay;
- Xây dựng bản đồ ngôn ngữ ở Điện Biên hiện nay;
- Đề xuất các kiến nghị và giải pháp nhằm xây dựng và bảo tồn sự đa dạng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên theo hướng phát triển bền vững.

2. Nội dung nghiên cứu

- Sư tầm, nghiên cứu và hệ thống hóa một cách chọn lọc những kiến thức về lý luận liên quan đến nội dung đề tài như khái niệm: Đa ngữ; cảnh huống ngôn ngữ; vấn đề giao tiếp trong cộng đồng đa ngữ; năng lực ngôn ngữ và thái độ ngôn ngữ; giáo dục ngôn ngữ và các mô hình giáo dục ngôn ngữ ở cộng đồng đa ngữ.

- Miêu tả, phân tích cảnh huống ngôn ngữ ở Điện Biên (khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội, đặc điểm phân bố dân cư, đời sống của các dân tộc thiểu số, đặc điểm ngôn ngữ các dân tộc thiểu số).

- Khảo sát, phân tích thực trạng các ngôn ngữ đang tồn tại và hành chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên; khảo sát và phân tích các đặc điểm của cộng đồng đa ngữ ở Điện Biên qua các nghiên cứu trường hợp cả góc độ định tính lẫn định lượng.

- Điều tra, xây dựng bản đồ ngôn ngữ.

- Đề xuất bảo tồn ngôn ngữ các dân tộc thiểu số.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của đề tài là trạng thái đa ngữ ở vùng dân tộc thiểu số (cảnh huống ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ, hiện trạng sử dụng ngôn ngữ của người dân tộc thiểu số).

Phạm vi nghiên cứu được giới hạn với số lượng mẫu ở 17 dân tộc thiểu số và 1 nhóm đa dân tộc. Ngoài ra đề tài đã khảo sát lấy ý kiến của 1.000 học sinh, 500 giáo viên ở 20 trường tiểu học và trung học cơ sở của 10 huyện thị trên toàn tỉnh. Đề tài cũng lấy ý kiến của 100 cán bộ cấp huyện, 240 cán bộ cấp xã, phường ở 10 huyện thị.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp ngôn ngữ học điền dã, phương pháp ngôn ngữ học xã hội, phương pháp miêu tả (phương pháp miêu tả định lượng kết hợp phân tích định tính), thủ pháp thống kê phân loại có sự hỗ trợ của các phần mềm SPSS và QGIS.

III. Kết quả thực hiện

- Đã sưu tầm được các nghiên cứu và hệ

thống hóa những nghiên cứu liên quan đến nội dung đề tài và trình bày các khái niệm: Đa ngữ; cảnh huống ngôn ngữ; vấn đề giao tiếp trong cộng đồng đa ngữ; năng lực ngôn ngữ và thái độ ngôn ngữ; giáo dục ngôn ngữ và các mô hình giáo dục ngôn ngữ ở cộng đồng đa ngữ.

- Trình bày được khái quát một số nét về kinh tế - xã hội, đặc điểm phân bố dân cư, đời sống của các dân tộc thiểu số, đặc điểm ngôn ngữ các dân tộc thiểu số tại tỉnh Điện Biên

- Trình bày được năng lực ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Điện Biên gồm năng lực tiếng Việt, năng lực tiếng mẹ đẻ, năng lực sử dụng tiếng dân tộc khác.

- Đề xuất được 03 giải pháp: Đối với truyền thông, đối với giáo dục và giải pháp bảo tồn phát triển ngôn ngữ của các dân tộc có nguy cơ mai một.

Đề tài góp phần thiết thực vào chủ trương bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà nghị Quyết Trung ương V, khóa VIII đã đề ra. Góp phần vào thực hiện chương trình bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên gắn với phát triển kinh tế - xã hội mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra: “Bảo tồn và phát triển truyền thống văn hóa của các dân tộc ít người trên địa bàn tỉnh thông qua sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu, lưu giữ và giáo dục đồng bào nâng cao ý thức giữ gìn, bảo tồn văn hóa truyền thống của dân tộc mình”.

Ngày 26/4/2019, Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên đã tổ chức nghiệm thu đề tài và được đánh giá xếp loại “Xuất sắc”./.

Trần Thơm

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI “THỰC TRẠNG TẬT KHÚC XẠ Ở HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VÀ HIỆU QUẢ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CAN THIỆP”

I. Thông tin chung đề tài

Tên đề tài: “Thực trạng tật khúc xạ ở học sinh Trung học cơ sở tại thành phố Điện Biên Phủ và hiệu quả một số giải pháp can thiệp”.

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Trần Đức Nghĩa.

Cơ quan chủ quản: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên.

Cơ quan chủ trì: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên.

Địa điểm thực hiện: Thành phố Điện Biên Phủ.

Thời gian thực hiện: 2015 – 2018.

Kinh phí thực hiện: 678,993 triệu đồng.

II. Đặt vấn đề:

Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ cận thị cao hiện nay, tỷ lệ cận thị có xu hướng gia tăng nhanh chóng và trở nên phổ biến. Đặc biệt là cận thị học đường ngày càng xuất hiện nhiều và tiến triển trong các lứa tuổi học sinh. Thành phố Điện Biên Phủ là đô thị loại III với dân số khoảng 73 nghìn người hầu hết cư dân đều sống tại khu vực đô thị (khoảng 97%). Dưới áp lực của đô thị hóa và phát triển về kinh tế xã hội, học sinh được kỳ vọng nhiều hơn từ cha mẹ vì thế chịu nhiều áp lực về học tập hơn. Bên cạnh đó với sự bùng nổ về thông tin và các thiết bị điện tử, thị lực của học sinh cũng chịu những tác động và ảnh hưởng đáng kể.

Nhằm cung cấp thông tin về cận thị, qua đó tăng cường công tác giáo dục sức khỏe



Đồng chí Lê Văn Quang - Phó Giám đốc Sở KH&CN - Chủ trì hội đồng nghiệm thu đề tài “Thực trạng tật khúc xạ ở học sinh Trung học cơ sở tại thành phố Điện Biên Phủ và hiệu quả một số giải pháp can thiệp”.

Ảnh: Thanh Tùng

về cận thị học đường cho học sinh bậc tiểu học, phụ huynh học sinh, nhà trường và giáo viên để họ nhận biết và thực hiện tốt công tác phòng chống cận thị học đường. Câu hỏi nghiên cứu của chúng tôi là thực trạng tỷ lệ cận thị của học sinh tiểu học, trung học cơ sở tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên là bao nhiêu? Những yếu tố nào liên quan đến cận thị của học sinh tiểu học tại đây? Hơn thế nữa, các biện pháp dự phòng cận thị có hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ cận thị của học sinh tiểu học không? Trước thực trạng trên và đồng thời để trả lời các câu hỏi nghiên cứu Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên đã tiến hành nghiên cứu đề tài “Thực trạng tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở tại thành phố Điện Biên Phủ và hiệu quả một số giải pháp can thiệp”

III. Mục tiêu, đối tượng, nội dung,

phương pháp nghiên cứu:**1. Mục tiêu**

Điều tra, đánh giá thực trạng tật khúc xạ ở học sinh Trung học cơ sở (THCS) thành phố Điện Biên Phủ. Tiến hành một số biện pháp can thiệp từ đó đánh giá hiệu quả các giải pháp can thiệp.

2. Nội dung

* Nội dung 1: Nghiên cứu tổng quan về tật khúc xạ: Nguyên nhân gây bệnh; các yếu tố liên quan; các phương pháp chẩn đoán; điều chỉnh, điều trị; các biến chứng.

* Nội dung 2: Đánh giá thực trạng tình hình tật khúc xạ ở học sinh THCS, học sinh Tiểu học thành phố Điện Biên phủ:

- Dựa trên phiếu điều tra nhóm nghiên cứu đã xây dựng sẵn, sử dụng các phương tiện như: Bảng thị lực, đèn soi đáy mắt, máy đo khúc xạ tự động, đèn soi bóng đồng tử... tiến hành thăm khám mắt cho học sinh 8 trường THCS và 9 trường tiểu học trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ;

- Đánh giá được tỷ lệ các hình thái của tật khúc xạ trong học sinh THCS, tiểu học trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

* Nội dung 3: Tìm hiểu các yếu tố liên quan

- Dựa trên tỷ lệ tật khúc xạ hiện mắc ở học sinh, tiến hành khảo sát tìm mối liên quan;

- Kiểm định sự liên quan giữa các yếu tố nguy cơ với cận thị bằng các thuật toán sử dụng trong thống kê y học như Test Chi bình phương, test t, trung bình cộng, phương sai, độ lệch chuẩn...

* Nội dung 4: Khảo sát điều kiện vệ sinh học đường

- Đo đạc các mẫu khảo sát về điều kiện ánh sáng tại các phòng học, chiều cao bàn ghế, diện tích phòng học, số lượng bóng đèn chiếu sáng;

- Từ thực trạng điều kiện vệ sinh học

đường của các trường tiểu học và THCS trong toàn thành phố đánh giá đạt hay không đạt theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* Nội dung 5: Tiến hành các biện pháp can thiệp cho học sinh Tiểu học

- Các can thiệp nhằm thay đổi thái độ và nhận thức về cận thị: Tiến hành tuyên truyền bằng tờ rơi, Poster, các buổi hội thảo về chủ đề cận thị tại các trường nghiên cứu, xây dựng chương trình truyền thông về tật khúc xạ trên chuyên mục sức khỏe của Đài truyền hình tỉnh;

- Các can thiệp làm thay đổi hành vi: Hướng dẫn tư thế ngồi học đúng, thay đổi vị trí ngồi luân phiên theo quý.

* Nội dung 6: Khám đánh giá về hiểu biết, sự thay đổi về hành vi, tình trạng tật khúc xạ sau một năm can thiệp cho học sinh Tiểu học.

* Nội dung 7: Đề xuất các biện pháp giảm thiểu tật khúc xạ cho học sinh trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

3. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu : Học sinh tiểu học và THCS tại thành phố Điện Biên Phủ.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa...có liên quan đến mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

- Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Khảo sát, đánh giá thực trạng cận thị, điều kiện vệ sinh học đường, phỏng vấn đối tượng nghiên cứu...

- Nhóm phương pháp nghiên cứu toán học: sử dụng các thuật toán như: Thống kê toán học, kiểm định các giá trị, so sánh các tỷ lệ,

IV. Kết quả thực hiện

1. Thực trạng cận thị và điều kiện vệ sinh học đường

Nghiên cứu trên 4.757 học sinh thuộc 9 trường tiểu học, 3.151 học sinh thuộc 8 trường THCS, đồng thời khảo sát 45 lớp học đại diện cho từng khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 của 9 trường tiểu học tại thành phố Điện Biên phủ, kết quả như sau:

1.1. Thực trạng cận thị

- Tỷ lệ cận thị ở học sinh tiểu học là 17,2%.
- Tỷ lệ cận thị chung của đối tượng học sinh THCS là 37,1%.
- Trong số học sinh mắc cận thị tỷ lệ cận thị nhẹ chiếm tỷ lệ cao nhất.
- Tỷ lệ cận thị không có khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ.
- Tỷ lệ cận thị có xu hướng tăng dần theo khối lớp học, từ 10.3% ở khối lớp 1 đã tăng lên 26.7% ở khối lớp 5.
- Trong số các trường hợp cận thị có 13,8% trường hợp mắc cận thị một bên mắt ở học sinh tiểu học và học sinh THCS là 14,7%.
- Tỷ lệ cận thị mắc cao ở học sinh dân tộc kinh, số lượng cận thị ở học sinh dân tộc thái là 11,2%; các dân tộc thiểu số khác là 30,5% đối với học sinh trung học cơ sở. Đối với học sinh tiểu học, tỷ lệ mắc cận thị của học sinh dân tộc thái là 7,7%, tỷ lệ cận thị trong các nhóm dân tộc thiểu số khác (H' Mông, Khơ Mú, Hà Nhì...) chiếm 9,6%.

1.2. Điều kiện về vệ sinh học đường

Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn về kích thước phòng học là 75,6% nhưng chỉ 44,4% số phòng học đạt tiêu chuẩn về khoảng cách từ bàn đầu đến bảng. Khoảng cách từ bàn cuối đến bảng đạt 2,2%. Tỷ lệ các phòng học đạt yêu cầu về hiệu số bàn ghế là 20%. Đối với tiêu chuẩn về ánh sáng chỉ 77,8% số phòng được khảo sát đạt yêu cầu.

2. Một số yếu tố liên quan tới cận thị học đường

- Những học sinh có cha mẹ mắc cận thị có khả năng mắc cận thị cao gấp 2,67 lần

so với những học sinh có cha mẹ không mắc cận thị.

- Học sinh có học thêm liên tục trên 1 giờ có khả năng mắc cận thị cao gấp 2,48 lần so với những học sinh không học thêm liên tục trên 1 giờ.

- Học sinh có thời gian sử dụng máy tính liên tục trên 1 giờ có khả năng mắc cận thị cao hơn 2,25 lần so với những học sinh không dùng máy tính liên tục trên 1 giờ.

- Những học sinh có chơi điện tử liên tục trên 1 giờ có khả năng mắc cận thị cao hơn 2,38 lần so với học sinh không chơi điện tử liên tục trên 1 giờ.

- Nhóm biết về biểu hiện của cận thị mắc cận thị cao hơn 3.76 lần so với nhóm không biết về biểu hiện của cận thị. Không có mối liên quan giữa biết về lứa tuổi dễ mắc cận thị và tình trạng cận thị (OR=0.68; 95% CI=0.68-1.07; p<0.98).

3. Hiệu quả can thiệp giảm tỷ lệ cận thị học đường

Các hoạt động can thiệp đã được triển khai trong vòng 18 tháng tại trường tiểu học Him Lam, trường tiểu học Bế Văn Đàn là trường đối chứng. Kết quả như sau:

Tỷ lệ cận thị trước và sau can thiệp của nhóm can thiệp lần lượt là 16,4% và 19,8%. Trong khi đó tỷ lệ cận thị trước và sau can thiệp của nhóm đối chứng lần lượt là 17% và 30,6%.

Hiệu số thay đổi sau 18 tháng can thiệp là 10,2% có nghĩa là sau khi thực hiện các hoạt động can thiệp tỷ lệ cận thị đã giảm được 10,2%.

Ngày 26/4/2019, Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh Điện Biên đã tổ chức nghiệm thu đề tài. Đề tài được các thành viên trong hội đồng đánh giá và nhất trí xếp loại "Đạt"./.

Thanh Bình

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN CHO CÁN BỘ X-QUANG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2019

Trong 02 ngày (01 - 02/6/2019), tại Hội trường Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ Điện Biên đã phối hợp với Công ty Cổ phần tư vấn khoa học công nghệ - STES tổ chức lớp “Đào tạo, Bồi dưỡng về An toàn bức xạ và hạt nhân trong y tế” cho 45 nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn đang làm việc trong lĩnh vực X-quang chẩn đoán y tế của 18 cơ sở bức xạ trong toàn tỉnh.

Tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng, các học viên được nghe phổ biến các nội dung liên quan đến sử dụng an toàn các thiết bị bức xạ, như: khái niệm về bức xạ ion hóa; tương tác của bức xạ gamma và tia X với vật chất; ghi đo bức xạ; hiệu ứng sinh học của bức xạ; bảo vệ chống chiếu xạ ngoài; nguyên lý hoạt động của thiết bị X-quang chẩn đoán y tế và các vấn đề an toàn bức xạ liên quan; các khía cạnh liên quan đến tối ưu hóa an toàn bức xạ hệ thống các quy định pháp luật về đảm bảo an toàn bức xạ; hướng dẫn bảo đảm an toàn bức xạ trong X-quang chẩn đoán y tế; hệ thống các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn bức xạ; kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng, kiểm soát chiếu xạ y tế.

Riêng các học viên phụ trách an toàn bức xạ được đào tạo các kiến thức liên quan đến tổ chức quản lý an toàn bức xạ tại cơ sở;



Tiến sĩ Vương Thu Bắc - Phó Giám đốc Trung tâm Quan trắc phóng xạ và Đánh giá tác động môi trường - Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân trao đổi với các học viên tại khóa đào tạo.

Ảnh: Đinh Hà

hướng dẫn lập kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở; hướng dẫn khai báo, cấp phép tiến hành công việc bức xạ, cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; hệ thống quản lý chất lượng đối với công việc bức xạ, cơ sở tiến hành công việc bức xạ và cơ sở hạt nhân, cụ thể.

Bức xạ ion hóa đang ngày càng được áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực, nhiều kỹ thuật bức xạ hạt nhân là không thể thay thế và đã trở thành những công cụ, phương pháp hữu hiệu trong chẩn đoán và điều trị bệnh, bảo quản lương thực, thực phẩm, thăm dò và khai thác tài nguyên. Tuy nhiên, ngoài những lợi ích mà chúng đem lại, bức xạ ion hóa còn có thể gây ra những mối nguy hiểm lớn, ảnh hưởng tới sức khỏe con người và môi trường.

Chính điều này làm cho vấn đề đảm bảo an toàn bức xạ trở nên phức tạp và nó đòi hỏi phải có sự quan tâm, quản lý chặt chẽ của các cấp, các ngành.

Vì vậy việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức thường xuyên cho các cán bộ quản lý, người phụ trách an toàn và nhân viên bức xạ trong lĩnh vực an toàn bức xạ, hạt nhân đối với các tổ chức, đơn vị là hết sức cần thiết.

Thông qua lớp đào tạo, bồi dưỡng tạo điều kiện cho các học viên, đặc biệt là các cán bộ trực tiếp vận hành các thiết bị về bức xạ trong ngành y tế nắm bắt được đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn bức xạ, hạt nhân; các quy định cho phòng đặt máy, thiết

kế che chắn an toàn, các thiết bị cảnh báo bức xạ; các kỹ năng trang bị bảo hộ cho nhân viên bức xạ, công tác kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ.... Đây cũng là dịp để Sở Khoa học và Công nghệ chia sẻ và giải đáp những thắc mắc, bất cập trong công tác quản lý an toàn bức xạ hạt nhân tại các cơ sở X-quang y tế.

Kết thúc lớp đào tạo, bồi dưỡng, các học viên làm bài kiểm tra cuối khóa, nếu đạt yêu cầu sẽ được cấp giấy chứng nhận đã tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo an toàn bức xạ do Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật khoa học công nghệ - STEC cấp./.

Đình Hà

Sở Khoa học và Công nghệ

TẬP HUẤN ĐIỀU TRA TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC TỔ CHỨC KH&CN NĂM 2019

Nhằm nâng cao công tác thu thập thông tin đáp ứng cho cuộc điều tra tổng kê tiềm lực khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2019, ngày 10 tháng 6 năm 2019, Cục Thông tin KH&CN Quốc gia tổ chức tập huấn cho các đại biểu đến từ các Bộ, ngành, các Sở KH&CN khu vực miền Bắc và Bắc Trung Bộ.

1. Mục đích, yêu cầu điều tra

Điều tra tiềm lực KH&CN của các tổ chức nghiên cứu và phát triển (NC&PT), các trường đại học, các tổ chức dịch vụ KH&CN nhằm mục đích thu thập thông tin về nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng và các tiềm lực KH&CN khác phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch KH&CN.

Điều tra tiềm lực KH&CN đáp ứng yêu cầu cung cấp số liệu để:

- Đánh giá tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN; có cơ sở xây dựng quy hoạch,

kế hoạch phát triển KH&CN trên phạm vi cả nước, của các Bộ, ngành và địa phương;

- Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách về phát triển KH&CN, Luật KH&CN. Phục vụ so sánh quốc tế các chỉ tiêu thống kê về KH&CN;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tiềm lực KH&CN của Việt Nam phục vụ các phân tích chuyên sâu và làm tiền đề cho các cuộc điều tra của các năm tiếp theo.

2. Đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra

*** Đối tượng của cuộc Điều tra tiềm lực KH&CN bao gồm:**

- Tổ chức NC&PT (Viện hàn lâm, viện/trung tâm NC&PT, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và cơ sở NC&PT khác);

- Cơ sở giáo dục đại học bao gồm: đại học, các trường đại học, học viện (các viện,

trung tâm nghiên cứu thuộc trường được coi như đơn vị trường đại học), trường cao đẳng;

- Tổ chức dịch vụ KH&CN (các trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm,... về: Thông tin, thư viện; bảo tàng KN&CN; dịch thuật, biên tập, xuất bản cho KH&CN; điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên; thống kê, điều tra xã hội; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tư vấn về KH&CN; sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ;...).

Các tổ chức KH&CN hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh không thuộc đối tượng của cuộc điều tra này.

*** Phạm vi điều tra**

Tất cả các đơn vị thuộc đối tượng điều tra trên phạm vi cả nước.

Phạm vi lĩnh vực: Tất cả các lĩnh vực NC&PT theo Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KN&CN ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Thời điểm, thời kỳ và thời gian điều tra

*** Thời điểm, thời kỳ điều tra**

Thời điểm bắt đầu điều tra là ngày 01/7/2019. Những chỉ tiêu thu thập theo thời điểm được lấy thông tin theo số thực tế có tại 31/12/2018.

Thời kỳ điều tra: Những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ được lấy thông tin từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018.

*** Thời gian điều tra**

Thời gian thu thập thông tin là 31 ngày kể từ ngày 01/7/2019 đến 31/7/2019.



Đồng chí Đào Mạnh Thắng - Phó Cục trưởng Cục Thông tin KH&CN Quốc gia phát biểu tại lớp tập huấn.

Ảnh: Phương Nam

4. Nội dung điều tra

Các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam:

- Chỉ tiêu 1401: Số tổ chức khoa học và công nghệ
- Chỉ tiêu 1402: Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ;

Các chỉ tiêu Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ:

- Chỉ tiêu 0101: Giá trị tài sản cố định của các tổ chức khoa học và công nghệ;
- Chỉ tiêu 0102: Diện tích đất và trụ sở làm việc của các tổ chức khoa học và công nghệ;
- Chỉ tiêu 0301: Tổng chi quốc gia cho hoạt động khoa học và công nghệ;
- Chỉ tiêu 0302: Chi cho hoạt động khoa

học và công nghệ;

*** Nội dung thông tin điều tra gồm các phần sau:**

- Nhóm thông tin chung về đơn vị: Tên đơn vị; địa chỉ; cơ quan chủ quản; loại hình kinh tế; lĩnh vực KH&CN chính của đơn vị; loại hình hoạt động KH&CN của đơn vị.

- Nhóm thông tin về nhân lực khoa học và công nghệ: Tổng số nhân lực của đơn vị; nhân lực có trình độ (từ cao đẳng trở lên).

- Nhóm thông tin về nguồn lực tài chính của tổ chức: Tổng thu của đơn vị; tổng chi của đơn vị; chi cho KH&CN theo nguồn cấp kinh phí; chi cho KH&CN theo loại chi.

- Nhóm thông tin về cơ sở hạ tầng và tiềm lực khác: Trụ sở, đất đai, nhà xưởng; giá trị còn lại của tài sản cố định; thông tin KH&CN; tài sản trí tuệ; các trang thiết bị thí nghiệm có giá trị lớn.

Trong buổi hội thảo các đại biểu được

nghe phổ biến về phương án điều tra, cách thức điền mẫu phiếu cho từng đối tượng điều tra. Cuộc điều tra tiềm lực KH&CN sử dụng 3 mẫu phiếu áp dụng cho 03 đối tượng điều tra cụ thể: Mẫu số 01 áp dụng cho các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; mẫu số 02 áp dụng cho các trường đại học, học viện, trường cao đẳng; mẫu số 03 áp dụng cho các tổ chức dịch vụ KH&CN.

Tháng 7 năm 2019, Cục Thông tin KH&CN Quốc gia sẽ tiến hành điều tra Tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN năm 2019 trên toàn quốc trong đó có tỉnh Điện Biên. Để cuộc điều tra được triển khai thành công Sở Khoa học và Công nghệ rất mong nhận được sự hợp tác và giúp đỡ của các đơn vị là đối tượng điều tra trong địa bàn tỉnh.

Phương Nam

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

VỆ SINH, KHỬ TRÙNG VÀ TIÊU ĐỘC ĐỂ PHÒNG CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Trên thế giới, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) lần đầu tiên xuất hiện tại Kenya vào năm 1921, từ đó đến nay bệnh đã xuất hiện tại nhiều nước thuộc châu Phi, châu Âu, châu Á và châu Mỹ. Trong giai đoạn từ năm 1921 - 1995, có hàng chục quốc gia có bệnh DTLCP và theo thông tin của Tổ chức Thú y thế giới (OIE), từ năm 1996 - 2019, bệnh đã xảy ra tại hơn 60 quốc gia. Đến nay, chưa có quốc gia nào được OIE công nhận an toàn đối với bệnh DTLCP. Các nước đã phải tiêu hủy hàng chục triệu con lợn và phải chi hàng chục tỷ đô la Mỹ cho công tác phòng, chống dịch bệnh.

Tại Việt Nam, DTLCP (ASF) lần đầu tiên được phát hiện tại các tỉnh Hưng Yên và Thái Bình vào ngày 19 tháng 2 năm 2019. Ngay khi DTLCP xuất hiện tại Trung Quốc vào tháng

8/2018, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đặc biệt quan tâm, chỉ đạo rất cụ thể và sát sao. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan thông tin truyền thông đã vào cuộc trong công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp, phòng chống dịch bệnh.

Theo thông báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bệnh DTLCP đã xảy ra trên 3.000 xã, phường, thị trấn của 54 tỉnh, thành phố, buộc tiêu hủy tổng số trên 2 triệu con. Trên địa bàn tỉnh Điện Biên tình từ khi DTLCP xảy ra trên địa bàn tỉnh (đến ngày 10/6/2019) đã có 2.178 hộ ở 146 thôn bản thuộc 70 xã, phường của 9 huyện, thị xã, thành phố (trừ huyện Mường Nhé chưa

có dịch) tổng số lợn đã tiêu hủy là 8.161 con. Bệnh DTLCP là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do vi-rút gây ra, khi lợn bị bệnh có tỷ lệ chết cao và có thể lên đến 100%, hiện nay chưa có vắc xin phòng, không có thuốc điều trị. Vì vậy, công tác vệ sinh, khử trùng, tiêu độc để phòng chống bệnh DTLCP là hết sức cần thiết. Để phòng chống bệnh DTLCP, xin hướng dẫn cách vệ sinh, khử trùng, tiêu độc như sau:

1. Kiểm soát toàn diện bệnh DTLCP

- Vùng dịch (xã, phường/thị trấn nơi có ổ dịch): Thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc 01 lần/ngày trong vòng 1 tuần đầu tiên; 03 lần/tuần trong 2- 3 tuần tiếp theo.

- Vùng dịch nguy cơ cao (vùng bị dịch uy hiếp - phạm vi 03 km xung quanh ổ dịch): Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc liên tục 01 lần/ngày trong vòng 1 tuần đầu tiên; 03 lần/tuần trong 2-3 tuần tiếp theo. Sử dụng các thuốc khử trùng phổ rộng và pha đúng tỷ lệ, thực hiện đúng biện pháp.

- Vùng đệm (phạm vi 10 km xung quanh ổ dịch): Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc với tần suất 01 lần/tuần, liên tục trong vòng 1 tháng kể từ khi có ổ dịch.

2. Nguyên tắc vệ sinh, khử trùng, tiêu độc

- Người thực hiện khử trùng tiêu độc phải sử dụng bảo hộ lao động phù hợp.

- Hóa chất sát trùng ít độc hại đối với người, vật nuôi, môi trường; phải phù hợp với đối tượng khử trùng tiêu độc; có tính sát trùng nhanh, mạnh, kéo dài, hoạt phổ rộng, tiêu diệt được nhiều loại mầm bệnh.

- Trước khi phun hóa chất sát trùng phải làm sạch đối tượng khử trùng tiêu độc bằng biện pháp cơ học (quét dọn, cạo, cọ rửa).

- Pha chế và sử dụng hóa chất sát trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, bảo đảm pha đúng nồng độ, phun đúng tỷ lệ trên một đơn vị diện tích.

3. Loại hóa chất sát trùng

- Hóa chất sát trùng trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

- Vôi bột, vôi tôi, nước vôi, xà phòng, nước tẩy rửa.

- Loại hóa chất sát trùng khác theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương.

4. Đối tượng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc

- Cơ sở chăn nuôi lợn tập trung.

- Hộ gia đình có chăn nuôi lợn.

- Cơ sở sản xuất lợn giống.

- Cơ sở giết mổ lợn.

- Cơ sở sơ chế, chế biến thịt lợn và các sản phẩm thịt lợn.

- Chợ buôn bán lợn và sản phẩm của lợn.

- Địa điểm thu gom lợn và sản phẩm của lợn để buôn bán, kinh doanh, nơi cách ly kiểm dịch lợn và sản phẩm của lợn.

- Khu vực chôn lấp, xử lý, tiêu hủy lợn và sản phẩm của lợn nhiễm, nghi nhiễm mầm bệnh; khu vực thu gom, xử lý chất thải của lợn.

- Trạm, chốt kiểm dịch động vật, chốt kiểm soát ổ dịch.

- Phương tiện vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn.

Căn cứ đặc điểm cụ thể của địa phương, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương xác định khu vực có ổ dịch cũ, địa bàn có nguy cơ cao cần phải vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

5. Tần suất thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng

- Đối với cơ sở chăn nuôi lợn tập trung: Đợt xuất khi có yêu cầu hoặc định kỳ vệ sinh khu vực chăn nuôi, định kỳ thực hiện tiêu độc khử trùng theo lịch của cơ sở và theo các đợt phát động của địa phương.

- Hộ gia đình có chăn nuôi lợn: Định kỳ vệ sinh khu vực chăn nuôi và thực hiện tiêu

độc khử trùng theo các đợt phát động của địa phương.

- Cơ sở sản xuất lợn giống: Định kỳ vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau mỗi đợt xuất chuồng và theo các đợt phát động của địa phương.

- Cơ sở giết mổ lợn: Định kỳ vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau mỗi ca giết mổ lợn.

- Cơ sở sơ chế, chế biến thịt lợn, sản phẩm thịt lợn: Định kỳ vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau mỗi ca sản xuất.

- Địa điểm thu gom, chợ buôn bán lợn và sản phẩm của lợn: Vệ sinh, tiêu độc khử trùng khu vực buôn bán lợn và sản phẩm của lợn sau mỗi phiên chợ. Nơi cách ly kiểm dịch lợn phải định kỳ thực hiện vệ sinh và tiêu độc khử trùng ít nhất 01 lần trong tuần trong thời gian nuôi cách ly lợn.

- Phương tiện vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn: Định kỳ vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau mỗi lần vận chuyển.

- Khu vực chôn lấp, xử lý, tiêu hủy lợn, sản phẩm của lợn nhiễm, nghi nhiễm mầm bệnh; khu vực thu gom, xử lý chất thải của động vật: Vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau khi hoàn thành việc xử lý, chôn lấp và theo các đợt phát động của địa phương.

- Trạm, chốt kiểm dịch động vật: Vệ sinh, tiêu độc khử trùng đối với phương tiện vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn đi qua trạm kiểm dịch.

- Chốt kiểm soát ổ dịch: Vệ sinh, tiêu độc khử trùng hàng ngày đối với phương tiện vận chuyển đi qua chốt trong thời gian có dịch.

Trường hợp có DTLCPC xảy ra trên địa bàn, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương hướng dẫn cụ thể về đối tượng, tần suất vệ sinh, khử trùng tiêu độc trên địa bàn vùng có ổ dịch, vùng dịch và vùng bị dịch uy hiếp.

Minh Quang

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

KỸ THUẬT NUÔI LƯƠN THƯƠNG PHẨM

Lươn là loài thủy đặc sản được thị trường trong và ngoài nước rất ưa chuộng vì giá trị dinh dưỡng cao được dùng để chế biến nhiều món ăn được ưa chuộng. Do khai thác quá mức và không có ý thức bảo vệ, tái tạo nguồn lợi nên nguồn lươn từ tự nhiên bị suy giảm nhanh chóng và ngày càng khan hiếm. Để đáp ứng nhu cầu về lươn thương phẩm ngày càng tăng, hiện nay, phong trào nuôi lươn phát triển rất mạnh ở nhiều địa phương trong cả nước với các hình thức khác nhau, nhưng phổ biến nhất vẫn là kiểu nuôi truyền thống trong bùn đất có để cây tạp hay trồng thực vật thủy sinh che mát cho lươn. Tuy mô hình này mang lại hiệu quả kinh tế khá cao nhưng cũng bộc lộ một số hạn chế do lươn chui rúc trong bùn nên rất khó theo dõi

số lượng, tốc độ tăng trưởng, tình hình bắt mồi, dịch bệnh... của lươn nuôi để có thể có những biện pháp xử lý kịp thời. Để khắc phục được những hạn chế của mô hình nuôi lươn truyền thống cũng như khả năng thâm canh cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường thì mô hình nuôi lươn không bùn đang là một hướng đi mới. Sau đây, xin giới thiệu đến bà con kỹ thuật nuôi lươn thương phẩm không bùn:

1. Bể nuôi

Lươn có thể được nuôi trong bể xi măng, composite hoặc bể được lót bạt. Hoặc người nuôi có thể tận dụng các chuồng nuôi heo cũ không sử dụng để nuôi lươn. Diện tích phù hợp 5 - 10 m², xây tường quanh bể với chiều dài khoảng 0,8 - 1 m. Thành bể cao 0,8 - 1

m; có độ dày 10 - 15 cm; độ sâu mức nước 0,2 - 0,4 m. Vật liệu xây bể có thể làm bằng gạch, đá. Toàn bộ mặt trong của bể cần lát gạch hoặc làm trơn láng bằng xi măng. Bể nuôi cần có cống thoát nước để tiện cho công việc chăm sóc, thay nước. Mặt đáy nghiêng về phía thoát nước khoảng 2,5 - 3 cm. Miệng cống phải bịt lưới tránh lươn chui trốn ra ngoài. Phía trên bể được lợp bằng mái che. Và mặt nước của bể có thể thả bèo để chống nắng, thuận lợi cho sự phát triển của lươn. Nhiệt độ nước thích hợp để nuôi lươn là 25 - 27°C, pH đạt 7,0 - 8,5. Ngoài bể nuôi lươn thương phẩm nên có một bể chứa nước để lọc và thay nước lúc cần thiết. Có thể làm giá thể để lươn trú ẩn bằng những ống tre, gạch, gỗ.



Mô hình nuôi lươn không bùn.

Ảnh: Suu tầm

2. Chọn và thả giống:

Chọn giống: Có thể sử dụng lươn giống thu gom từ tự nhiên kích cỡ tốt nhất là 40 - 60 con/kg (thu hoạch sau 5 - 6 tháng nuôi). Hoặc có thể sử dụng lươn giống được sinh sản bằng phương pháp bán nhân tạo, tuy nhiên kích cỡ lươn giống nhân tạo khá nhỏ chỉ khoảng 5g/con; do đó, lươn cần phải được ương nuôi trong bể nhỏ có đặt các chùm dây nylon làm giá thể trước khi đạt tiêu chuẩn mới thả vào bể nuôi thương phẩm.

Mật độ nuôi: Thả với mật độ tốt nhất là 200 - 250 con/m². Trước khi thả vào bể, lươn phải được sát trùng bằng cách tắm với nước muối loãng nồng độ 3 - 5‰ trong 15 phút sát trùng và loại bỏ những con yếu.

3. Quản lý và chăm sóc:

Thức ăn: Sử dụng cám viên công nghiệp có hàm lượng đạm cao (>40%), không ôi thiu, ẩm mốc, kích thước viên thức ăn theo giai đoạn tăng trưởng của lươn, kết hợp thêm trùn quế làm thức ăn cho lươn trong suốt thời kỳ nuôi.

Lươn có kích cỡ 100-500 con/kg, khẩu

phần ăn khoảng 0,15-0,2% trọng lượng thân; sử dụng thức ăn viên và trùn quế theo tỷ lệ 7:3.

Lươn có kích thước 10-100 con/kg, khẩu phần ăn 0,5% trọng lượng thân; sử dụng thức ăn viên và trùn quế theo tỷ lệ 8:2.

Trùn quế trộn với cám viên, ủ khoảng 15 phút, đem rải đều lên bề mặt sợi ni-lông nơi lươn trú ẩn. Mỗi ngày cho lươn ăn 1 - 2 lần, vào buổi sáng và buổi chiều, tùy theo thời tiết. Những ngày nắng, nhiệt độ cao nên cho lươn ăn 2 lần/ngày; khi trời âm u, mưa, lạnh chỉ nên cho lươn ăn một lần/ngày.

Định kỳ 7 ngày trộn thêm vitamin C và các loại khoáng vào thức ăn để tăng đề kháng và kích thích tính bắt mồi của lươn.

Lươn chỉ tham gia bắt mồi chủ động trong thời gian từ 10-15 phút, sau thời gian này lươn không còn bắt mồi nữa. Dựa vào đặc điểm bắt mồi của lươn mà chúng ta điều chỉnh thức ăn cho hợp lý.

Thay nước: Hàng ngày thay nước mới 100% sau mỗi lần cho lươn ăn. Việc thay nước được tiến hành ngay sau khi lươn ngừng

ăn 1 giờ. Sử dụng vòi xịt loại bỏ tất cả các chất cặn bã bám trên mặt bể, tường bể và sợi ni-lông, sau đó cấp nước mới vào, độ sâu nước bể khoảng 7-10cm khi lươn còn nhỏ, khi lươn lớn mức nước cao 10-15cm. Giữ yên tĩnh sợi ni-lông nơi lươn trú ẩn.

4. Phát hiện và phòng trị lươn bệnh:

Khi rải thức ăn, nếu thấy hiện tượng lươn bắt mồi kém, âm thanh bắt mồi của lươn rời rạc, lươn bò rải rác trong bể mà không nằm trú ẩn trong sợi ni-lông là dấu hiệu cho biết lươn nuôi có triệu chứng bệnh.

Khi phát hiện lươn bệnh thì phải ngừng cho ăn, thay nước mới, sử dụng thuốc tắm cho lươn như nước muối có hàm lượng 3-5%,

Formol nồng độ 3-5‰; hoặc dùng Tetracycline trộn với thức ăn hàm lượng 5-7g/kg thức ăn, cho ăn liên tục trong 3 ngày, hoặc có thể hòa tan với nước tạt đều lên mặt bể với liều lượng 5-10g/m³, ngâm lươn trong 30 phút rồi thay nước mới.

5. Thu hoạch:

Sau thời gian nuôi khoảng 5 tháng, khi lươn đạt kích cỡ thương phẩm (150g/con trở lên) thì tiến hành thu hoạch. Có thể thu tủa hoặc thu toàn bộ để bán và tiến hành vệ sinh ao để nuôi vụ tiếp theo.

Ong Kiên

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

QUẢN LÝ THUÊ BAO DI ĐỘNG TRẢ TRƯỚC

Thực hiện chủ trương tăng cường quản lý thuê bao di động, Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành các quy định mới nhằm quản lý chặt chẽ việc phát triển thuê bao di động, bảo vệ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ viễn thông.

Trong những năm qua, với chính sách mở cửa thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển, thị trường viễn thông di động đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Hiện tại trên địa bàn tỉnh Điện Biên có 04 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông di động (VNPT Điện Biên, Viettel Điện Biên, Mobifone tỉnh Điện Biên, Trung tâm thông tin di động Vietnam Mobile) cung cấp dịch vụ cho hơn 530.000 thuê bao di động, đạt mật độ 95 thuê bao/100 dân, trong đó thuê bao di động trả trước chiếm trên 90% (hơn 480.000 thuê bao). Tuy nhiên hoạt động quản lý, phát triển các thuê bao di động vẫn còn nhiều bất cập.

Với quyết tâm tăng cường hơn nữa công tác quản lý thuê bao di động trả trước, ngày

24/4/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2017/NĐ-CP đã đưa ra nhiều điểm sửa đổi, bổ sung một số quy định về quản lý thuê bao di động, song song với việc tổ chức triển khai kế hoạch chuyển đổi mã mạng nhằm đưa tất cả các thuê bao di động 11 số về định dạng 10 số và siết chặt quy định về khuyến mại đối với thuê bao di động trả trước tiến tới mục tiêu hình thành một cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao chính xác để phục vụ công tác đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, góp phần hạn chế tin nhắn rác, bảo vệ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ viễn thông.

Để các quy định mới đi vào thực tế cuộc sống và giúp các doanh nghiệp viễn thông thuận lợi trong triển khai, người dân dễ dàng thực hiện, Sở Thông tin và Truyền thông đã có nhiều văn bản gửi các doanh nghiệp viễn thông di động và cơ quan, đơn vị liên quan nhằm hướng dẫn thực hiện các quy định mới, đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Ngay sau khi Nghị định số 49/2017/NĐ-CP

của Chính phủ có hiệu lực các doanh nghiệp viễn thông đã xây dựng quy trình nội bộ để phục vụ công tác rà soát; kiểm tra thông tin thuê bao trong cơ sở dữ liệu, tổ chức triển khai các quy định mới đến các chủ thuê bao bằng nhiều hình thức như thông báo trên thông tin đại chúng, nhắn tin, đến gặp trực tiếp các chủ thuê bao có thông tin chưa đầy đủ và chưa chính xác đề nghị đến các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông ủy quyền để đăng ký lại thông tin đúng theo quy định; chấm dứt hợp đồng đối với thuê bao có thông tin không chính xác và không thực hiện lại việc đăng ký thông tin; đăng tải trên trang thông tin điện tử các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp để thuận lợi cho việc đến giao kết hợp đồng của người sử dụng dịch vụ...

Tuy nhiên còn một số thuê bao có thông tin đầy đủ trên cơ sở dữ liệu tập trung của doanh nghiệp không đúng với người thực tế đang sử dụng; một số điểm cung cấp dịch vụ viễn thông tự lấy thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ khi chưa được sự đồng ý để đăng ký thông tin cho các thuê bao khác; doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, giám sát để đảm bảo các số thuê bao thứ tư trở lên thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu, có thông tin đúng theo quy định. Cũng qua thực tế theo dõi việc sử dụng thuê bao di động trả trước của người sử dụng dịch vụ, các chủ thuê bao có nhu cầu sử dụng từ 04 số thuê bao của một nhà mạng trở lên chỉ chiếm phần nhỏ, điều này tạo kẽ hở cho việc đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước không đúng theo quy định, gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản



Hoạt động kiểm tra, giám sát tại điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Ảnh: Kiều Hòa

lý, kiểm tra. Loại hình thuê bao trả trước đã nhận được nhiều ưu đãi từ nhà mạng, việc siết chặt hơn các quy định về khuyến mại nhằm mục đích bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trên thị trường dịch vụ viễn thông di động, đảm bảo an toàn, an ninh xã hội cũng như để đảm bảo quyền lợi và thúc đẩy phát triển thuê bao trả sau, hạn chế cuộc gọi rác, tin nhắn rác. Nhưng một bộ phận đông đảo người sử dụng dịch vụ vẫn chưa thực sự sẵn sàng chuyển sang thuê bao di động trả sau do tính linh hoạt, khả năng kiểm soát cước và các tiện ích của thuê bao di động trả trước mang lại và là một nguyên nhân khiến doanh thu của các nhà mạng sụt giảm.

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với dịch vụ thuê bao di động trả trước trên địa bàn tỉnh, thời gian tới, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát doanh nghiệp viễn thông di động và các điểm cung cấp dịch vụ viễn

thông công cộng, nghiêm túc xử lý các sai phạm để đảm bảo việc đăng ký thông tin thuê bao thực hiện theo đúng quy định. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông di động cần có phương án, giải pháp mạnh để thực hiện rà soát, khắc phục các thuê bao không đúng quy định, thanh lý hợp đồng, chấm dứt cung cấp dịch vụ viễn thông sau 30 ngày kể từ ngày tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai

chiều đối với các thuê bao không chính chủ nếu cá nhân, tổ chức không thực hiện đăng ký lại; đồng thời tiếp tục nghiên cứu trong quá trình triển khai nhiệm vụ để tham mưu cho Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh các quy định, chính sách về quản lý thuê bao di động hiệu quả./.

Kiểu Hòa

Sở Thông tin và Truyền thông

HỘI THẢO KHOA HỌC: CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ HIỆN THỰC

Ngày 25/4/2019, tại Trung tâm Hội nghị - Văn hóa tỉnh Điện Biên, Bộ Quốc phòng phối hợp với Tỉnh ủy Điện Biên tổ chức Hội thảo khoa học Chiến thắng Điện Biên Phủ giá trị lịch sử và hiện thực (7/5/1954 - 7/5/2019).

Tham dự hội thảo có lãnh đạo Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật (Bộ Quốc phòng); đại biểu lãnh đạo các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Sơn La; đại biểu các quân khu, quân đoàn, học viện, nhà trường; các tướng lĩnh, nhà khoa học trong và ngoài quân đội; đại biểu lão thành cách mạng; các nhân chứng lịch sử tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp...

Phát biểu khai mạc hội thảo, Thượng tướng Lê Chiêm - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng đã nhấn mạnh: 65 năm trước từ ngày 13 tháng 3 đến ngày 7 tháng 5 năm 1954, trên cánh đồng Mường Thanh, quân và dân ta đã lập nên một trong những chiến công hiển hách nhất, vang dội nhất trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam - Chiến thắng Điện Biên Phủ. Cùng với chiến thắng Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạc vào lịch sử dân

tộc bản hùng ca bất tử cùng những tấm gương anh dũng sáng ngời, khẳng định ý chí, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ làm thất bại hoàn toàn kế hoạch Nava, đập tan ý đồ xâm lược của thực dân Pháp, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình, thừa nhận nền độc lập của nhân dân ba nước Đông Dương; làm sụp đổ từng mảng hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ, trở thành ngọn cờ tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

Hội thảo gồm ba phần: “Những vấn đề chung”, “Điện Biên Phủ - Hội tụ sức mạnh Việt Nam”, “Chiến thắng Điện Biên Phủ với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay”. Hội thảo đã nghe 10 ý kiến phát biểu tham luận của các đại biểu, các nhân chứng lịch sử, qua đó đều khẳng định và làm sâu sắc thêm vai trò lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo Chiến dịch Điện Biên Phủ; sức mạnh của thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam; tinh thần, ý chí kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo của Quân đội nhân dân Việt Nam. Làm rõ nguyên nhân, ý nghĩa, tầm vóc của

thắng lợi, qua đó đúc rút những kinh nghiệm, bài học về lãnh đạo, chỉ đạo chiến lược.

Tại Hội thảo Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên Trần Văn Sơn khẳng định: Trải qua hơn 6 thập kỷ nhưng tính thời sự, tầm ảnh hưởng của chiến thắng Điện Biên Phủ sẽ còn vang vọng mãi đến hôm nay và mai sau. Theo Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên Trần Văn Sơn: bảo tồn, phát huy, tôn vinh những giá trị lịch sử của chiến thắng này là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, cả hệ thống chính trị và mỗi cá nhân. Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên luôn nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc tiếp tục gìn giữ, phát huy giá trị lịch sử truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng, quyết tâm nâng cao giá trị của chiến thắng Điện Biên Phủ năm xưa lên một tầm cao mới bằng những việc tạo ra nhiều Điện Biên Phủ lớn nhỏ trong công cuộc đổi mới hôm nay tại Điện Biên.

Phát biểu bế mạc hội thảo, Thượng tướng Lê Chiêm kết luận: Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân ta đã làm nên Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi. Cuộc hội thảo khoa học đã phản ánh, phân tích và đánh giá sâu sắc nhiều nội dung, qua đó, đúc rút ra nhiều bài học lịch sử và kinh nghiệm sâu sắc về sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến lược, sự phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong chiến tranh cách mạng... có giá trị lý luận và thực tiễn



Đại biểu tham dự hội thảo “Chiến thắng Điện Biên Phủ giá trị lịch sử và hiện tại”.

Ảnh: Suu tầm

sâu sắc, đồng thời gợi mở những vấn đề mới vận dụng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Đồng thời, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng đề nghị các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và truyền hình Trung ương, Quân đội và địa phương trong cả nước đẩy mạnh tuyên truyền thông tin rộng rãi cho cán bộ, chiến sỹ, đồng bào trong cả nước và kiều bào ở nước ngoài, nhất là thế hệ trẻ, hiểu rõ về tầm vóc, giá trị lịch sử của Chiến thắng Điện Biên Phủ trong cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân (1953-1954), qua đó khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng tiên công, không quản ngại gian khổ, hy sinh, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Mai Phương (Sưu tầm và biên soạn)

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

ĐIỆN BIÊN:

PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ THEO LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ

Thực hiện đề án số 2982/KH-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh Điện Biên trong đó tăng cường nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ, khuyến nông; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học - kỹ thuật ngành nông nghiệp. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh phê duyệt 9 dự án liên kết sản xuất áp dụng trong giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh. Đến nay, chủ đầu tư, đơn vị chủ trì và các bên tham gia dự án đã hoàn tất các thủ tục giải ngân, triển khai nội dung hỗ trợ theo dự án liên kết chuỗi được phê duyệt. Toàn tỉnh hỗ trợ phát triển tập trung 168,2ha cây ăn quả, gồm các loại như: Bưởi da xanh, vú sữa, xoài Đài Loan, nhãn chín muộn, bưởi Diễn... tập trung tại các huyện: Điện Biên, Mường Chà, Tuần Giáo, Mường Ảng. Vì vậy, các huyện có định hướng phát triển cây ăn quả phải triển khai dự án hỗ trợ cây ăn quả theo liên kết chuỗi giá trị - hình thức liên kết khép kín từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Quy định mới này đã loại bỏ cơ bản khuyết điểm của các hình thức hỗ trợ cũ. Trước đây, hỗ trợ cây ăn quả là hình thức hỗ trợ 1 lần, trồng phân tán; các yếu tố như: Chất lượng cây giống, quy trình kỹ thuật và đầu ra sản phẩm chưa được đảm bảo, dẫn tới hiệu quả thấp. Với hình thức hỗ trợ theo liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp thì một dự án chỉ được phê duyệt khi đảm bảo các quy định bắt buộc về quy mô, hình thức



Cán bộ khuyến nông tỉnh Điện Biên hướng dẫn nông dân cách phòng trừ sâu bệnh hại trên cây quýt.

Ảnh: Khắc Tân

hỗ trợ trồng tập trung và phải đủ các thành phần: Chủ đầu tư, đơn vị chủ trì, đối tượng thụ hưởng, đơn vị cung cấp đầu vào và đơn vị bao tiêu sản phẩm. Cụ thể

- Nhãn ghép: Đến năm 2020, diện tích nhãn ghép tại huyện Điện Biên và thành phố Điện Biên Phủ khoảng 500 ha. Trên cơ sở ghép cải tạo vườn nhãn cũ, già cỗi để nâng cao năng suất, chất lượng và dải vụ thu hoạch nhãn (nhãn chín muộn).

- Dứa: Đến năm 2020, phát triển diện tích Dứa tại huyện Mường Chà và Tuần Giáo khoảng 300-400 ha (Tuần Giáo 80 ha; Mường

Chà 220-320 ha) gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ; nghiên cứu quy trình giải vụ trong năm.

- Cây có múi (Bưởi da xanh, cam,...): Mở rộng diện tích cây có múi như bưởi, cam ở huyện Điện Biên (100 ha), Mường Ảng (300 ha), Tuần Giáo (100 ha) tạo vùng sản xuất tập trung, an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Ngoài ra, thực hiện lựa chọn, phát triển một số loại cây ăn quả khác phù hợp với điều kiện khí hậu theo mô hình trang trại, sử dụng giống mới có năng suất, đầu tư thâm canh theo hướng hữu cơ như: Bơ, xoài, mít, ổi... ở huyện Điện Biên, Mường Ảng; vú sữa, thanh long ở huyện Điện Biên,... theo mô hình “mỗi xã một sản phẩm”.

- Xây dựng phương án liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả tại huyện Mường Ảng, Tuần Giáo, Điện Biên,... với nhà máy chế biến hoa quả trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Do vậy phát triển cây ăn quả theo liên

kết chuỗi giá trị cần tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ mới, công nghệ sinh học, quy trình tiên tiến vào sản xuất, bảo quản, chế biến, gắn với phát triển liên kết vùng; hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với các dịch vụ khoa học công nghệ. Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và bảo quản, chế biến nông sản; tăng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ. Đặc biệt đẩy mạnh hoạt động bồi dưỡng nâng cao kiến thức, đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt là kỹ năng thực hành, ứng dụng, vận hành các sản phẩm khoa học công nghệ vào các hoạt động sản xuất, bảo quản, chế biến,... các sản phẩm nông nghiệp có giá trị, có lợi thế cạnh tranh.

Khắc Tân

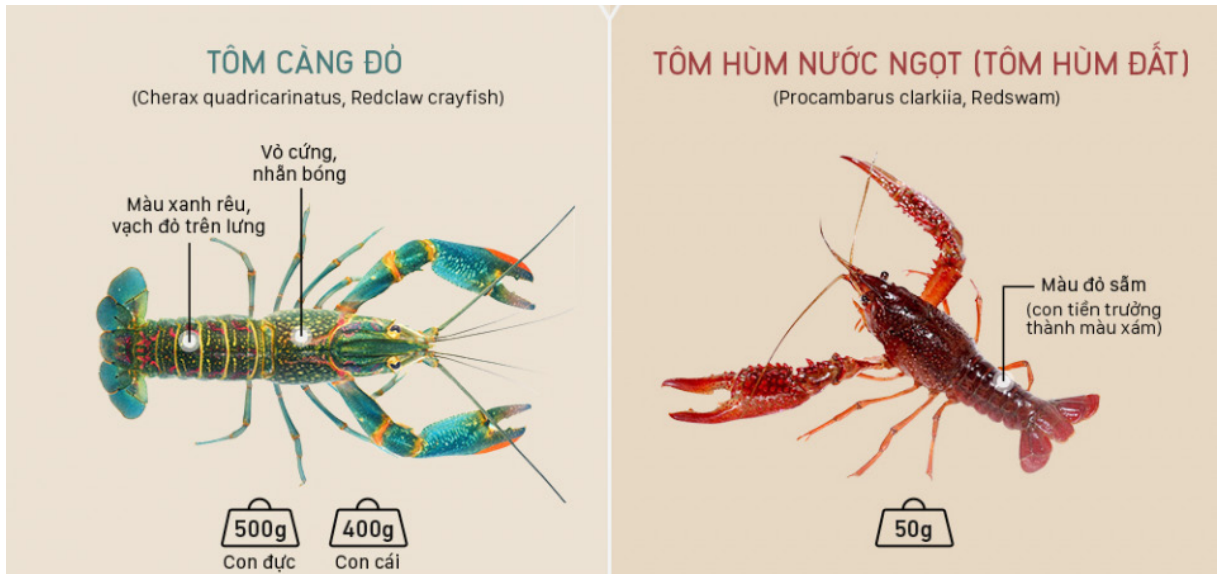
Trung tâm Khuyến nông tỉnh Điện Biên

TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT TÔM HÙM NƯỚC NGỌT VÀ TÔM CÀNG ĐỎ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thực hiện công văn số 2417/BTNMT-TCMT ngày 27/5/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về tăng cường kiểm soát tôm hùm nước ngọt và công văn số 3438/BNN-TCTS ngày 17/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường kiểm soát tôm càng đỏ tại Việt Nam. UBND tỉnh Điện Biên đã ra công văn số 1561/UBND-KTN ngày 30/5/2019 và công văn số 1477/UBND-KTN ngày 24/5/2019 về việc tăng cường kiểm soát tôm hùm nước ngọt và tôm càng đỏ xâm nhập vào địa bàn tỉnh.

Đây là hai loài khác nhau song đều nằm trong danh mục loài ngoại lai xâm hại và loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại theo Thông tư số

35/2018/TT/BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về danh mục loài ngoại lai xâm hại theo đó tôm càng đỏ là loài ngoại lai xâm hại còn tôm hùm nước ngọt là loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại. Tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại có một số điểm khác nhau cụ thể như sau loài ngoại lai xâm hại là loài đang lấn chiếm nơi sinh sống, cạnh tranh thức ăn hoặc gây hại đối với các sinh vật bản địa, phát tán mạnh hoặc gây mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển ở Việt Nam. Còn loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại là loài có khả năng phát triển và lan rộng nhanh, có biểu hiện cạnh tranh thức



Phân biệt Tôm càng đỏ và Tôm hùm nước ngọt (tôm hùm đất)

Ảnh: Suu tầm

ăn, môi trường sống và khả năng gây hại đến các loài sinh vật bản địa của Việt Nam, được ghi nhận là xâm hại tại khu vực có khí hậu tương đồng với Việt Nam, nguy cơ xâm hại tương đối cao đối với đa dạng sinh học của Việt Nam. Cả hai loài này đều có càng màu đỏ, đặc tính sinh học nguy hiểm gần giống nhau chúng đều có thể đào hang sâu tới 2m phá hoại đê điều kênh mương, ăn tạp động vật và thực vật, sinh sản nhanh, có khả năng chống chịu với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, lây lan dịch bệnh cho tôm bản địa. Tuy nhiên hai loài này cũng có những đặc điểm riêng về ngoại hình, nhận dạng để phân biệt: tôm hùm nước ngọt có nguồn gốc từ Bắc Mỹ, sau đó được nuôi nhiều ở Trung Quốc và một số nước Châu Phi đặc điểm nhận dạng là toàn thân màu đỏ và nâu sẫm, kích thước tôm trưởng thành đạt 30 – 50gram. Trong khi đó tôm càng đỏ có nguồn gốc từ Australia, vỏ có màu xanh rêu điểm vạch đỏ ở càng, lưng, kích thước và trọng lượng của tôm càng đỏ lớn gấp 10 lần tôm hùm nước ngọt, con đực trưởng thành có thể nặng tới 500gram.

Theo một số chuyên gia thủy sản hai loài tôm này có thể đem đến giá trị kinh tế nhưng lại gây tác hại nặng nề cho hệ sinh thái, thậm chí có thể trở thành “đại họa” cho nền nông nghiệp Việt Nam, chính vì thế cả hai loài này đều bị cấm nhập khẩu, kinh doanh, nuôi tại Việt Nam. UBND tỉnh Điện Biên giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành, các đơn vị, địa phương tăng cường kiểm soát, ngăn chặn sự phát tán của loại tôm này ra môi trường tự nhiên; tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật (nếu có) đối với trường hợp vận chuyển, phát tán hai loại tôm này ra môi trường tự nhiên. Bên cạnh đó cần tổ chức triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến về tác hại của hai loại tôm này đối với môi trường và sản xuất nông nghiệp cho quần chúng nhân dân, nông dân để phòng ngừa sự phát tán của hai loại tôm này ra môi trường.

Trần Thơm

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN